

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH
Giai đoạn: 2024- 2026

Hà Đông, Tháng 8 năm 2024



PHẦN MỘT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. *Tạo nên một thế hệ trẻ mầm non luôn có niềm đam mê trong học tập, cởi mở, tự tin, đủ năng lực khám phá tri thức; được nuôi dưỡng nghị lực và lòng nhân ái trong một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo với một chương trình giảng dạy có ý nghĩa phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Giúp trẻ sẵn sàng bước vào bậc tiểu học và các bậc học tiếp theo, trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.*

1. Tầm nhìn:

Là một ngôi trường khang trang hiện đại, đặt chất lượng giáo dục lên hàng đầu. Chương trình giáo dục nhà trường luôn thúc đẩy các phương pháp tiếp cận thân thiện với trẻ em bao gồm giữ cho môi trường giáo dục an toàn và hạnh phúc. Mọi trẻ em học tập, vui chơi dựa trên nhu cầu và khả năng thực tế của từng cá nhân, sẵn sàng cho hoạt động học tập trong tương lai và trở thành công dân toàn cầu.

2. Sứ mệnh:

Giáo dục trẻ biết TRUNG THỰC, THÁU HIẾU, YÊU THƯƠNG, HỢP TÁC và TÔN TRỌNG, thích nghi mọi hoàn cảnh trong cuộc sống

Trẻ mỗi ngày phát triển TỐT HƠN CHÍNH MÌNH,

Trẻ đến trường AN VUI, phụ huynh AN LÒNG, các cô AN TÂM.

Luôn “Lấy học sinh làm trung tâm”, Hình thành cho trẻ sự tự tin, độc lập, có kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng học tập, sẵn sàng vào lớp 1.

3. Giá trị cốt lõi:

“Học để làm người”

B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

- *Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục độ tuổi mầm non, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ, làm căn cứ cho việc quản lý, chỉ đạo và tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước; đồng thời cam kết của Nhà nước nhằm đảm bảo chất lượng cho cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục mầm non.*

- Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, có kế thừa những ưu việt của Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ trước đây, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.

- Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”.

- Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với mọi trẻ em mầm non, đồng thời trao quyền chủ động cho địa phương, cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non.

C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm – sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ đầu vào, hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế ở địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có 16 lớp học có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi, học cụ, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ hàng ngày.

Không gian thoáng rộng, bố trí hợp lý với nhiều khu vực vui chơi trải nghiệm, gần gũi thiên nhiên.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm theo quyết định giao chỉ tiêu của UBND quận Hà Đông.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, có trình độ được đào tạo 100% trên chuẩn; giáo viên được xếp loại Đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; cán bộ quản lý được xếp loại Khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường. 100% giáo viên có thâm niên từ 5 năm đến 30 năm có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, luôn có tính nhẫn nại, yêu thương và công bằng với trẻ. 40% giáo viên trong độ tuổi từ 29 đến 40 tuổi đã ổn định về gia đình, không có nhu cầu sinh con thêm nên có thể tập trung vào công việc, tích cực tìm hiểu, đổi mới hình thức giáo dục, linh hoạt áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.

3. 100% Nhân viên có trình độ chuyên môn bảo đảm theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

PHẦN HAI

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ của Trường Mầm non Bình Minh nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Tăng cường phát triển các tổ chức vận động ban đầu và các giác quan, phát huy tối đa khả năng cá nhân; mạnh dạn, hồn nhiên, thích tìm hiểu, khám phá; biết giao tiếp với những người xung quanh; biết phòng tránh một số tình huống đơn giản không an toàn với bản thân.

Nhà trẻ 18 – 24 tháng	Nhà trẻ 24 – 36 tháng
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* Phát triển vận động	
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
1. Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng, bụng, và chân
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động	
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	2. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay. Giữ được thăng bằng trong vận động chạy/chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô
3. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	3. Thực hiện phối hợp tay- mắt: tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m
4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng
5. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m	5. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa phía lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt	
6. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	6. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “múa khéo

7. Tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ	7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
8. Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	8. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau
9. Ngủ 1 giấc buổi trưa	9. Ngủ 1 giấc buổi trưa
10. Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	10. Đi vệ sinh đúng nơi quy định
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
11. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	11. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh); thực hiện một số kỹ năng tự phục vụ (cắt ba lô, bê ghế...)
	12. Chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh
	<i>13. Bước đầu tham gia và thực hiện đúng quy trình một số kỹ năng thực hành cuộc sống, kỹ năng tự phục vụ đơn giản với sự giúp đỡ của cô.</i>
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
12. Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	14. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở
13. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở	15. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở
14. Cân nặng: Trẻ trai: 9,8kg- 15,2kg Trẻ gái: 8,1kg- 13,9kg	16. Cân nặng: Trẻ trai: 11,3-18,3kg Trẻ gái: 10,8- 18,1kg
15. Chiều cao: Trẻ trai: 82cm- 94cm Trẻ gái: 80cm- 93cm	17. Chiều cao: Trẻ trai: 88,7-103,5cm Trẻ gái: 87,4- 102,7cm

II. LĨNH PHỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
16. Sờ nắn, nhìn, nghe.. để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	18. Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
17. Bắt chước hành động đơn giản của những người thân	19. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
18. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	20. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.
19. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	21. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
20. Chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, <i>bánh kẹo</i> , con vật, quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	22. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc
21. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh; theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	23. Chỉ, nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh và <i>một số màu khác</i> theo yêu cầu
	24. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ, nặng nhẹ theo yêu cầu
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe, hiểu lời nói	
22. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	25. Thực hiện được nhiệm vụ từ 2 đến 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”
23. Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ”...	26. Trả lời các câu hỏi: Ai đây?, cái gì đây?, làm gì? Thế nào?. Ví dụ: “Con Gà gáy thế nào?”
24. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”	27. Hiểu nội dung chuyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên, hành động của các nhân vật. <i>- Nghe, cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.</i>
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	

24. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi,	28. Phát âm rõ tiếng
25. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	29. Đọc được bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
26. Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	30. Nói được câu đơn, câu 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc Đọc được bài thơ ngắn, hát được bài hát ngắn đơn giản
27. Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn..).	31. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”
	32. Nói to, đủ nghe, lễ phép
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
28. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	33. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)
	34. Thể hiện điều mình thích và không thích <i>Biết thể hiện nhu cầu cơ bản của bản thân với người chăm sóc. (nói, hoặc thể hiện bằng cử chỉ về ăn, ngủ, vệ sinh)</i>
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
29. Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	35. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói
30. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	36. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
31. Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	37. Biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ <i>Giảm các cảm xúc tiêu cực (tức giận, buồn bực, sợ hãi, lo lắng) khi được vỗ về, dỗ dành.</i>
	38. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
32. Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	39. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ

33. Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	40. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
34. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	41. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. Bước đầu có kỹ năng chơi và giao tiếp trong nhóm và có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, thân thiện. Biết thể hiện một số hành động yêu thương với những người thân, cô giáo, bạn bè
	42. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn
Thể hiện cảm xúc thông qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.	
35. Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay....).	43. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc
36. Thích vẽ, xem tranh.	44. Thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xé, dán , xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc, dán).
	45. Bước đầu trẻ cảm nhận và thể hiện tình yêu thương của mình với những người thân qua lời nói và cử chỉ

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt phù hợp với sự phát triển của trẻ nhà trẻ từ 20 tháng đến 36 tháng tuổi.

- Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với môi trường nhà trẻ. Thời gian cho từng hoạt động có thể linh hoạt 5 - 10 phút.

1. Trẻ 20- 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa (khoảng 150 phút)

Chế độ sinh hoạt lứa tuổi 18 - 36 tháng tuổi:

Thời gian	Thời lượng	Hoạt động	Hoạt động dịch vụ	Thời lượng
-----------	------------	-----------	-------------------	------------

			20- 36 tháng	
7h30 - 8h00	60 phút	Đón trẻ - Chơi các góc	- <i>Tổ chức cho trẻ có nhu cầu ăn sáng tại trường</i>	
8h00 - 8h30	30 phút	Thể dục sáng – Điểm danh trẻ Uống nước – Vệ sinh cá nhân		
8h30 - 10h15	20 phút	Chơi tập		
	45 phút	HD ngoài trời Vệ sinh- Uống nước		
	40 phút	Chơi, hoạt động góc		
10h15 - 10h30	15 phút	HD vệ sinh, rửa mặt rửa tay		
10h30- 11h30	60 phút	Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính		
11h30 - 14h	150 phút	Ngủ trưa		
14h -14h30	30 phút	Vệ sinh cá nhân - Uống sữa.		
14h30 - 15h10	40 phút	Chơi tập		
15h10 - 16h00	50 phút	Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính		
16h00 -17h30	15 phút	Vệ sinh cá nhân - Uống nước.		
	60 phút	Trả trẻ- Chơi các góc		
	15 phút	Trả trẻ- Vệ sinh lớp		

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE.

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc chăm sóc – nuôi dưỡng trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ.

Số lượng trẻ 23-25 trẻ/lớp với 2 - 3 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; có quy trình chăm sóc-nuôi dưỡng khoa học, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc – nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

1. Tổ chức ăn

- Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi (nhóm ăn cơm nát). Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- Số bữa ăn tại trường: hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn hàng ngày: có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, hoặc hoa quả theo mùa) từ thứ hai đến thứ sáu

+ Bữa chính (chiều): Thực đơn thay đổi theo mùa

+ Bữa phụ (chiều): Uống sữa.

- Đảm bảo nhu cầu năng lượng tại trường từ 600Kcal- 651Kcal/ ngày / trẻ (Chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)

- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13-20%; L:30-40% ($Tỷ\ lệ\ L\ động\ vật/ L\ thực\ vật = 70\% \text{ và } 30\%$); G: 47-50%; Thực hiện tính tỷ lệ Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ, Canxi: 350mg Ca/ngày/trẻ, B1: 0.41mg B1/ngày/trẻ.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn); nhà trường sử dụng nước đóng chai HADOWA trong toàn trường, có ký hợp đồng mang tính pháp lý, cam kết chất lượng và xét nghiệm nước uống tinh khiết đóng chai theo quy định.

- Tăng cường ăn bổ sung phòng chống nóng, phòng chống rét, phòng chống dịch:

+ Tăng cường nước hoa quả giàu vitamin C.

+ Tăng cường các loại thực phẩm giàu đạm..

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 20 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

- Có hệ thống chăn, ga, gối, đệm cho trẻ; có điều hòa; rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông.

- Có hệ thống quạt, điều hòa nhiệt độ, rèm chống nắng đảm bảo mát mẻ về mùa hè.

3. Vệ sinh

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ, khăn thấm mồ hôi...

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lý rác, nước thải đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B, cồn và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 1-2 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng và uống Vitamin. Xử lý ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
- Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử...
- Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Tập các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

* Nội dung giáo dục

Nội dung	18- 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
Phát triển vận động		
1. Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.. - Tập với các bài hát vui nhộn : Tập thể dục buổi sáng ; Thật đáng yêu ; Con cào cào ; Chú ếch con ; Dân vũ rửa tay....
2. Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn tới đích. + Bò chui (dưới dây/ gậy kê cao). + Bò có mang vật trên lưng - Tập đi, chạy + Đi theo hướng thẳng/ Đi trên dải lụa trên mặt đất./ Đi	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng. + Bò thẳng hướng theo đường hẹp. + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. + Bò chui qua cổng, Bò chui qua dây. + Bò qua vật cản.

	trên hàng gạch đơn. + Đi trong đường hẹp/ Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay + Đi bước qua vật cản/ Đi trên đường ngoằn ngoèo/ Đi trên đường mấp mô. - Tập bước lên, xuống thang - Tập tung, ném + Ngồi lăn bóng + Đứng ném, tung bóng	+ Bò trong đường hẹp. + Bò trong đường hẹp có mang vật trên lưng. + Bò trong đường ngoằn ngoèo. + Bò trong đường ngoằn ngoèo có mang vật trên lưng. + Bò, trườn chui qua cổng. - Tập đi, chạy + Đi theo hiệu lệnh. + Đi trong đường hẹp; đi theo đường dải lụa trên sàn. + Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. + Đi trong đường ngoằn ngoèo. + Đi trong đường ngoằn ngoèo có mang vật trên tay. + Đi bước qua vật cản + Đi theo hiệu lệnh. + Đi bước vào các ô. + Đi bước qua gậy kê cao. + Đi có mang vật trên đầu. + Đi có mang vật trên tay. + Đi kết hợp với chạy. + Đi bước qua vạch kẻ. + Đứng co 1 chân. + Bước lên cao xuống 5- 7 cm. + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy đổi hướng. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. + Bật xa bằng 2 chân - Tập tung, ném, bắt, đá: + Tung bóng bằng hai tay. + Tung bắt bóng cùng cô. + Tung bóng lên cao. + Tung bóng qua dây.
--	--	--

		+ Tung bóng cùng cô ở khoảng cách 1m. + Ném bóng về phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m). + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Ném bóng trúng đích xa (1- 1,2 m). + Ném túi cát về phía trước (tối thiểu 1,5m). + Đá bóng về phía trước/ Đá bóng vào lưới.
3. Tập các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4-5 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. - Xâu các loại hạt, quả, hoa - Bỏ vào, lấy ra - Nhón nhặt hạt, sỏi... - Chơi vo, xé, gấp giấy	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. + Đóng cọc bàn gỗ. + Nhón nhặt đồ vật. + Tập xâu luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. + Chắp ghép hình. + Xếp chồng 6-8 khối gỗ. + Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách. - Múa theo nhạc - Tập cài, cời khuy các hình (con vật, cây, quả, hoa..) - Nhào đất, nặn đất - Cầm bút tô, vẽ - Buộc dây - Tập mở, kéo khóa balo (áo) - Chơi bấm khuy bấm (con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng...) - Tập xúc hạt, hạt to nhỏ bằng thìa (muỗng) - Gắp quả bông bằng kẹp - Tập lau lá cây - Tập rót nước - Chuyển vật thể bằng tay - Chuyển vật thể bằng thìa to - Rót khô từ nồi sang 2 cốc giống nhau - Xỏ dép.

		- Thu dọn đồ chơi - Cách tự cầm cốc uống nước, cầm thìa xúc ăn - Đi cầu thang.
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. - Làm quen chế độ ngủ 1 giấc. - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Ho và hắt hơi cần che miệng - Cách chào hỏi lễ phép
2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt. - <i>Hình thành và rèn luyện các kỹ năng tự phục vụ:</i> + <i>Kỹ năng đi dép và cất dép</i> + <i>Cất ba lô đúng nơi quy định</i> + <i>Nhận ra ba lô của mình và đeo ba lô</i>	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Hình thành và rèn luyện các kỹ năng tự phục vụ</i> + <i>Cất ba lô đúng nơi quy định</i> + <i>Bê ghế đúng cách</i> + <i>Kỹ năng xúc bằng thìa</i> + <i>Đi tắt, cởi tắt, lồng tắt (Montessori)</i> + <i>Xi mũi, lau mũi (Montessori)</i> + <i>Cách mở cửa an toàn</i> + <i>Đội mũ</i> + <i>Gấp khăn (Montessori)</i>

		+ Mặc áo chui đầu (Montessori) + Rửa mặt, rửa tay, lau miệng
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không cười nói khi đang ăn, nhai	

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

- Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Tên gọi, chức năng một số bộ phận cơ thể của con người.
- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản (đỏ, vàng, xanh), kích thước (to - nhỏ), hình dạng (tròn, vuông), số lượng (một - nhiều) và vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: <i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</i>	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi một số quả quen thuộc, gần gũi (dứa, mít, chanh...) - Nếm vị của một số loại quả, thức ăn.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì - Nếm vị của của một số thức ăn, quả (ngọt- chua – mặn)
2. Nhận biết: <i>Một số bộ phận của cơ thể con người</i>	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
<i>Một số đồ dùng, đồ chơi.</i>	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

Một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
Một số con vật, hoa, quả quen thuộc	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.
Bản thân, người gần gũi	- Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Nghe	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?

	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì? - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - <i>Lắng nghe khi người lớn đọc sách.</i> - <i>Nghe, cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.</i> - <i>Nghe một số bài hát, thơ trong các dịp lễ lớn: chào mừng ngày lễ 20/10, 20/11, 8/3, 22/12 và các bài hát ngày tết nguyên đán.</i>
2. Nói	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì? - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - <i>Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.</i> - <i>Tập đọc thơ, chơi trò chơi thao tác mô phỏng như: bế em, chăm sóc em bé, mẹ con...</i> - <i>Tham gia hoạt động ngày hội, ngày lễ;</i> - <i>Tham gia hoạt động giao lưu với các bạn trong khối, các anh chị mẫu giáo</i> - <i>Kể chuyện theo đồ vật.</i> - <i>Kể chuyện theo tranh.</i> - <i>Gọi tên đồ vật (gọi tên mô hình).</i>
3. Làm quen với sách	- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - <i>Cách mở trang sách (thơ hoặc truyện).</i> - <i>Bingo với thẻ tranh.</i>

- Ghép bức tranh đen và trắng.

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hoá và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Phát triển tình cảm Ý thức về bản thân - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân. - Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. <i>- Nhận biết trạng thái của cơ thể khi buồn vệ sinh, khi khát nước, khi buồn ngủ, khi đói và thể hiện với người chăm sóc bằng cử chỉ hành động hoặc lời nói.</i> - Làm quen với bạn - Nhận biết và thể hiện cảm xúc: Vui, buồn, tức giận... - Nhận biết bản thân qua gương.
2. Phát triển kỹ năng xã hội - Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. <i>- Những câu chuyện về tình yêu thương.</i> <i>- Những hành động thể hiện tình cảm của mình với mọi người xung quanh</i>
- Hành vi văn hoá giao tiếp đơn giản	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. - Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như:	- Giao tiếp với những người xung quanh - Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn không tranh giành đồ chơi với bạn

	chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, bỏ rác vào thùng. - <i>Tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt một ngày</i> - <i>Tập chơi, hoạt động phối hợp theo nhóm</i> - <i>Tạo tình huống để trẻ giao tiếp với nhau trong nhóm nhỏ, giáo viên giao tiếp thường xuyên với trẻ, vỗ về an ủi khi trẻ bất an.</i> - <i>Tham gia các hoạt động lễ hội; Tham gia giao lưu với các bạn, với các anh chị mẫu giáo.</i> - <i>Chào hỏi lịch sự.</i>
3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - <i>Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</i>	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
- <i>Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</i>	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Tập cầm bút di màu; tô màu con lật đật ; tô màu trang phục của bé; tô màu các đồ dùng trong gia đình - Xâu vòng; Xếp nhà bằng khối gỗ - Tập vo giấy; Chơi với đất nặn; Tập chơi với màu nước - Tô tranh sáp nền: Đồ chơi bé thích: ô tô, quả bóng, cái ô, con gấu...) - Tập in tranh các cách khác nhau: In bàn tay, bàn chân, in bằng củ quả, in bằng lá, con dấu... - Xem tranh

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động với đồ vật.

Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi 18- 36 tháng giúp trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh để trẻ phát triển nhận thức, phát triển lời nói, phát triển các giác quan, phát triển thái độ, cảm xúc... qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên, các đồ vật gắn liền với các thao tác trong cuộc sống...

2. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi,

3. Hoạt động chơi.

- Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động, khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi-tập có chủ đích:

- Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

- Đây là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời hình thành một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ. Trẻ được làm quen và thực hiện được một số thói quen tự phục vụ đơn giản và *ứng dụng 1 số hoạt động thực hành cuộc sống đơn giản theo phương pháp Montessori*

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và các hoạt động dựa trên ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Ngày khai giảng, Tết Trung thu; Ngày lễ Noel; Tết cổ truyền, Ngày hội bé thơ vui khỏe, ngày hội dân gian; ngày hội nước, Tết thiếu nhi (ngày 1/6) ...), huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh cùng nhà trường tổ chức các ngày lễ hội cho trẻ.
- Tổ chức hoạt động giao lưu giữa các lớp: các lớp nhà trẻ cùng độ tuổi, khác độ tuổi, giao lưu với lớp mẫu giáo, huy động sự tham gia của các bậc phụ huynh, giúp trẻ tự tin và kỹ năng giao tiếp tốt.

2.Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- Tổ chức tại phòng lớp khác, sân, sảnh..

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ, nhóm lớn
- Tổ chức hoạt động cả lớp, 2 lớp, 2 nhóm của 2 lớp..

Đối với Nhà trẻ nên chú trọng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

*** Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:**

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giúp trẻ có kỹ năng tự phục vụ: Cài cởi cúc áo, bẻ ghế, đi cầu thang...
- Tăng cường các hoạt động ngoài trời tiếp xúc với thiên nhiên, môi trường xã hội gần gũi.
- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ thông qua hoạt động chơi tập có chủ đích và hoạt động ở mọi lúc mọi nơi dưới hình thức cả lớp, nhóm nhỏ và bồi dưỡng cá nhân phù hợp theo khả năng vận động của trẻ. Đan xen lồng ghép các nội dung phát triển VĐ và các giác quan, linh hoạt, phù hợp.
- Tổ chức cho trẻ được tham gia các trò chơi phát triển trí tuệ thông qua hoạt động với đồ vật
- Tăng cường tổ chức các ngày hội có tác dụng bổ trợ kiến thức, kỹ năng cho trẻ: Ngày Hội các trò chơi vận động, Hội chợ Xuân; sinh nhật của trẻ; hoạt động giao lưu...

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

- Dùng cử chỉ vỗ về, gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh

2. Nhóm phương pháp trực quan- minh họa

- Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh, các thiết bị hiện đại, công nghệ...), hành động mẫu (lời nói, cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp cận thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương pháp trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc, kết hợp sử dụng lời nói và đan xen nhau cho phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành.

a. Hành động, thao tác với đồ vật.

- Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật, vật thật dưới sự quan sát, gợi ý, hỗ trợ và tác động của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc đập, mở đóng, tháo lắp, xếp cạnh, xếp chồng, lồng, bỏ vào, lấy ra, xuyên lỗ...)
- Tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi, vật thật theo các thao tác đơn lẻ hoặc làm quen với một số quy trình đơn giản, phù hợp với lứa tuổi để trẻ tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b. Trò chơi.

- Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh phát triển lời nói và vận động phù hợp.

- Cuối độ tuổi nhà trẻ 24- 36 tháng, các trò chơi có thể sử dụng các trò chơi khó hơn, phù hợp với khả năng của trẻ, có thể sử dụng các trò chơi có sự phối hợp, liên kết đơn giản.

c. Luyện tập.

- Tổ chức lặp đi, lặp lại các hoạt động, trò chơi, câu hỏi, động tác, hành vi...phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Phương pháp dùng lời nói (Trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

- Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp với cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ. Đối với trẻ nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ là chủ yếu.

- Chú trọng hệ thống câu hỏi mang tính dẫn dắt, gợi mở để kích thích trẻ tư duy. Khuyến khích trẻ được bộc lộ, thể hiện bản thân, được nói lên cảm nhận của trẻ.

- Tăng cường sự giao tiếp của trẻ với cô giáo, các bạn và mọi người xung quanh.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

- Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

- Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

*** Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:**

- Tăng cường phương pháp trực quan, thao tác thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi. Cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Tăng cường hoạt động theo nhóm. Tạo cơ hội cho trẻ được phát triển tự nhiên, theo nhu cầu của trẻ, nhằm tạo cho trẻ phát triển tính tự lập.

- Các phương pháp giáo dục được sử dụng, phối hợp một cách hợp lý nhằm phát huy ở trẻ tính chủ động, tích cực hoạt động để phát triển, đảm bảo trẻ “học qua chơi”, “chơi mà học”.

- Chú trọng hệ thống câu hỏi mở trong phương pháp dùng lời nhằm kích thích quá trình tư duy của trẻ. Định hướng để trẻ bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm của bản thân.

- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:

+ *Phương pháp Montessori (áp dụng những kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống đơn giản, vận động tinh... trong lĩnh vực phát triển thể chất, tình cảm xã hội được tổ chức thực hiện đan cài trong các hoạt động hàng ngày)*

+ Cách tiếp cận Reggio Emilia được áp dụng với các hoạt động với đồ vật thông qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên,...giúp trẻ phát triển nhận thức, tình cảm xã hội và thẩm mỹ.

+ Phương pháp STEAM tạo cơ hội cho trẻ thực hành, ứng dụng công nghệ trong khám phá tìm tòi và giải quyết vấn đề

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

- Nhà trường tạo môi trường cho trẻ hoạt động với tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm, tạo không gian hoạt động thực sự ý nghĩa, thân thiện, gần gũi và an toàn với trẻ.

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang thiết bị, đồ dùng hiện đại, chất liệu thân thiện, an toàn, gần gũi và màu sắc hài hòa giúp kích thích, tạo sự thoải mái cho trẻ khi tham gia hoạt động. Chú trọng đến việc tạo điểm nhấn trọng tâm trong không gian, biến không gian thành các khu vực, các góc hoạt động hiệu quả, thoải mái và tiện lợi.

- Thoáng mát, đẹp, an toàn, có cây xanh, vệ sinh sạch sẽ, thân thiện, phù hợp với trẻ. Đủ ánh sáng theo tiêu chuẩn ánh sáng học đường. Coi trọng việc tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động ở các khu vực, các góc hoạt động,...một cách phong phú đa dạng.

- Xây dựng môi trường học tập với nhiều góc mở, nguyên vật liệu phong phú, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động.

- Sử dụng các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo phù hợp với trẻ, đảm bảo tính an toàn, thẩm mỹ để đưa vào các hoạt động giáo dục và hoạt động chơi.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào các góc chơi, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Xây dựng góc phát triển vận động: có diện tích đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi, chạy và chơi với các đồ chơi phát triển vận động và các giác quan, chơi tập với các thiết bị cho trẻ tập vận động;

+ Trẻ 18 - 24 tháng tuổi có khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy; chơi với búp bê.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai: hoạt động với đồ vật; chơi nấu ăn; chơi bế em; chơi với đất nặn, bút vẽ, màu nước, chơi vận động..

- Giáo viên xây dựng bài giảng điện tử áp dụng dạy trẻ nhằm tạo cơ hội cho trẻ được tiếp cận với các ứng dụng khoa học hiện đại.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi sạch sẽ, rộng rãi, thoáng mát, an toàn; thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phong phú, an toàn, phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần lớp học để trẻ có thể ra chơi hàng ngày.

- Sân chơi có nhiều cây xanh, có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, trồng cây ăn quả để trẻ được quan sát, tìm hiểu

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc, giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên, nhân viên và những người xung quanh đối với trẻ luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:

- Theo dõi và đánh giá sự phát triển của trẻ, có biện pháp tác động giáo dục phù hợp để giúp trẻ đạt được yêu cầu của độ tuổi và mục tiêu bổ sung nâng cao đối với trẻ ở từng độ tuổi. *Đánh giá sự phù hợp của Chương trình giáo dục đối với định hướng phát triển của nhà trường từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp.*

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

- Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ;
- Đánh giá thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ;
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng của trẻ.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

- Sử dụng kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp đánh giá như: Quan sát; Trò chuyện, giao tiếp với trẻ; Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ để đánh giá tình trạng sức khỏe, thái độ, cảm xúc, hành vi, kiến thức, kỹ năng của trẻ trong ngày dưới hình thức ghi chép vào sổ nhật ký, kế hoạch tháng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Xây dựng hệ thống bài tập và phiếu đánh giá trẻ theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao ở từng độ tuổi.

IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ:

- Đánh giá trẻ hàng ngày về những diễn biến tâm lý – sinh lý của trẻ trong các hoạt động, nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Đánh giá trẻ cuối tháng/chủ đề để xác định mức độ đạt được sau mỗi tháng, từ đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp cho tháng tiếp theo.
- Đánh giá trẻ cuối độ tuổi theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao để xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực, từ đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở giai đoạn tiếp theo.

PHẦN BA

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 – 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi.

Mẫu giáo Bé	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Lớn
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>* Phát triển vận động</i>		
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30cm) một đầu kê cao 30cm - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế TD - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây - Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu - Đi thang bang được trên ghế thể dục (2mx0,25mx0,35m)
3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)

điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.		
4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập- bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m- cao 1,5m) - Đi, đập và bắt bóng được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp
5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. - Thực hiện được 1 số bài tập tổng hợp, liên hoàn từ 2 vận động.	5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Thực hiện, hoàn thành bài tập vận động tổng hợp, liên hoàn (2-3 vận động) - Thực hiện được các vận động (kéo, đẩy, leo trèo) và phối hợp với các hoạt động khác	5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu - Thực hiện, hoàn thành bài tập vận động tổng hợp, liên hoàn (3-4 vận động) - Thực hiện được các vận động (kéo, đẩy, đu, leo trèo) và phối hợp với các hoạt động khác
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
6. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau - Vo, vò, xé.	6. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay, - Vo, vò, xé, vận, ngắt...	6. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay - Vo, vò, xé, vận, xoắn, ngắt...
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm - Xếp chồng 8-10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc.	7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.	7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu

	- Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (<i>phéc mơ tuya</i>).
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	8. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	8. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả
9. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	9. Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
10. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	10. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	10. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nước ngọt, nước có ga, ăn đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
11. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	11. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	11. Thực hiện được một số việc đơn giản. - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự rửa mặt, đánh răng - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch
12. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	12. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	12. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
13. Thích thú tham gia và thực hiện đúng quy trình một số kỹ năng thực hành cuộc sống, kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi theo sự hướng dẫn của cô	13. Chủ động thực hiện tốt một số kỹ năng thực hành cuộc sống, kỹ năng tự phục vụ đảm bảo sự tuân thủ theo đúng nguyên tắc kỷ luật trật tự trong quá trình hoạt động	13. Chủ động, tự tin, thực hiện thành thạo một số kỹ năng thực hành cuộc sống, kỹ năng tự phục vụ đảm bảo sự tuân thủ theo đúng nguyên tắc kỷ luật trật tự trong quá trình hoạt động.

Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
14. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	14. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Nhận biết được một số dấu hiệu của thực phẩm không an toàn: tem mác, màu sắc.	14. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Nhận biết được một số dấu hiệu của thực phẩm không an toàn: tem mác, màu sắc, hạn sử dụng
15. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	15. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	15. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. - <i>Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.</i>
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
16. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	16. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	16. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn
17. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	17. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	17. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần
18. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	18. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:	18. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh

- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.. - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe
	19. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	19. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
		20. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
19. Cân nặng: Trẻ trai: 12,7- 21,2kg Trẻ gái: 12,3-21,5kg	20.Cân nặng: Trẻ trai: 14,1- 24,2kg, Trẻ gái: 13,7- 24,9kg	21.Cân nặng: Trẻ trai: 15,9-27,1kg Trẻ gái: 15,3-27,8kg
20.Chiều cao:	21.Chiều cao:	22.Chiều cao:

<i>Trẻ trai: 94,9-111,7cm</i> <i>Trẻ gái: 94,1-111,3cm</i>	<i>Trẻ trai: 100,7- 119,2cm,</i> <i>Trẻ gái: 99,9- 118,9cm</i>	<i>Trẻ trai: 106,1- 125,8cm</i> <i>Trẻ gái: 104,9- 125,4cm</i>
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* Khám phá khoa học		
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
21. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	22. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “ Vì sao lá cây bị ướn?”....	23. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...
22. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	23. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	24. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
23. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	24. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	25. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. - Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.
24. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	25. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	26. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
25. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	26. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	27. Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Tìm, phát hiện, loại một đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại

		- Phân loại một số đồ dùng thông thường theo 2-3 dấu hiệu
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
26. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	27. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	28. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi” - Dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra
	28. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	29. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
27. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	29. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	30. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung - Nói được một số đặc điểm mùa trong năm nơi trẻ sống
28. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	30. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	31. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
* Khám phá xã hội		
Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
29. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	31. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	32. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
30. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	32. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	33. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

31. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	33. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	34. Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn , xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
32. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	34. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	35. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	35. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	36. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
	36. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	37. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
33. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	37. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi...của một số nghề khi được hỏi trò chuyện.	38. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
34. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	38. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	39. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”
35. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	39. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	40. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
Nhận biết số đếm, số lượng		
36. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	40. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	41. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “ Đây là mấy?”...

37. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. - Đếm vệt đến 10 và đếm theo khả năng, đếm ngược từ 5-0	41. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 10	42. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm xuôi, đếm ngược, đếm chẵn, đếm cách trong phạm vi 20 (theo khả năng)
38. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	42. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	43. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.
39. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	43. Gộp hai nhóm đối tượng có tổng số lượng trong phạm vi 5. Đếm và nói kết quả.	44. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
40. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. - Sử dụng các số từ 0-5 để chỉ số lượng	44. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	45. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau
	45. Nhận biết và sử dụng các số 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự - Nhận biết chữ số từ 1-10	46. Nhận biết và sử dụng các số 5-10 để chỉ số lượng, số thứ tự - Nhận biết trật tự dãy số 0-10 và tiếp theo
	46. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	47. Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
Sắp xếp theo qui tắc		
41. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	47. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	48. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
		49. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
		50. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
So sánh hai đối tượng		
42. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	48. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh - So sánh kích thước 3 đối tượng, sắp xếp theo thứ tự cao nhất- thấp nhất, to	51. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả - So sánh kích thước các đối tượng, sắp xếp theo thứ tự từ cao-> thấp, ngắn -> dài, nặng-> nhẹ và ngược lại

	<i>nhất- nhỏ nhất, dài nhất- ngắn nhất và ngược lại</i>	
Nhận biết hình dạng		
43. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	49. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	52. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật
	50. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
44. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	51. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	53. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
	52. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	54. Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.
	<i>53. Nhận biết và gọi tên được 4 mùa trong năm.</i>	<i>55. Nói được các ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.</i>
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
45. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	54. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	56. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
46. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	55. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	57. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)
47. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	56. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	58. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
		<i>59. Nghe hiểu nội dung câu chuyện thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ</i>
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		

48. Nói rõ các tiếng.	57. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	60. Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
49. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	58. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	61. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
50. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	59. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	62. Dùng được câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...
51. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...	60. Kể lại sự việc theo trình tự.	63. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.
52. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	61. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	64. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...
53. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	62. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	65. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.
54. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	63. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	66. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
55. Sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	64. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	67. Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thưa”...phù hợp với tình huống.
56. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	65. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	68. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
Làm quen với việc đọc – viết		
57. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	66. Chọn sách để xem.	69. Chọn sách để “đọc” và xem.
58. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	67. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	70. Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
59. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	68. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẽ”).	71. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Biết giữ gìn và bảo vệ sách.
	69. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	72. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...

	70. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. <i>Tập tô, tập đồ các nét chữ</i>	73. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.
		74. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. <i>Bắt chước hành vi viết và sao chép chữ, từ</i>
IV.LĨNH VỰC TC - KNXH		
Thể hiện ý thức về bản thân		
60. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	71. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	75. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
61. Nói được điều bé thích, không thích. <i>Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu của bản thân như : ăn, ngủ, vệ sinh. Diễn đạt được một cách đơn giản về sở thích của bản thân với người khác.</i>	72. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. <i>Cảm nhận được các cảm giác của cơ thể, trạng thái cảm xúc của bản thân, diễn đạt được nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng, sở thích của bản thân với người khác.</i>	76. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. <i>- Cảm nhận được các cảm giác của cơ thể, trạng thái cảm xúc của bản thân, diễn đạt được nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng, sở thích của bản thân với người khác.</i>
		77. Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
		78. Biết mình là con / cháu / anh / chị/ em trong gia đình.
		79. Biết vâng lời , giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
Thể hiện sự tự tin, tự lực		
62. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	73. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	80. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)
63. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ	74. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	81. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. <i>- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cùng người</i>

chơi,...).		khác
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
64. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	75. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	82. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
65. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. <i>Có thể sử dụng những lời nói yêu thương và thể hiện các hành động thể hiện tình yêu thương với người thân, bạn bè và cô giáo</i>	76. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. <i>Biết cách thể hiện tình cảm yêu thương với người thân, các sự vật hiện tượng xung quanh.</i>	83. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
66. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	77. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	84. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. <i>Mạnh dạn, chủ động bày tỏ và thể hiện tình yêu thương với mọi người và sự vật hiện tượng xung quanh phù hợp thời điểm, hoàn cảnh</i>
67. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	78. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	85. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
	79. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	86. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
		87. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
68. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi,	80. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào	88. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công

không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
69. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	81. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	89. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. <i>Có thói quen nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi phù hợp.</i>
70. Chú ý nghe khi cô, bạn nói	82. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	90. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
71. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ <i>Giảm các cảm xúc tiêu cực (tức giận, buồn bực, sợ hãi, lo lắng) khi được vỗ về, dỗ dành và quay trở lại tham gia các hoạt động của lớp.</i>	83. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	91. Biết chờ đến lượt.
	84. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). <i>Biết một số cách tự giải tỏa cảm xúc tiêu cực và chuyển dần sang trạng thái cân bằng.</i>	92. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
		93. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) <i>Bước đầu biết quản lý cảm xúc của bản thân, biết tự giải tỏa cảm xúc tiêu cực. Có hành vi ứng xử phù hợp trong hoàn cảnh nhất định.</i>
Quan tâm đến môi trường		
72. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	85. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	94. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc
73. Bỏ rác đúng nơi quy định	86. Bỏ rác đúng nơi quy định	95. Bỏ rác đúng nơi quy định
	87. Không bẻ cành, bứt hoa.	96. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi

		trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...)
	88. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	97. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn.
74. Trẻ cảm nhận và thể hiện rõ tình yêu thương của mình với người thân, bạn bè và cô giáo thông qua lời nói và hành động	89. Trẻ cảm nhận được giá trị yêu thương, mạnh dạn bày tỏ và thể hiện tình yêu thương của mình với mọi người và sự vật hiện tượng xung quanh thông qua cảm xúc, cử chỉ, lời nói và hành động chia sẻ	98. Trẻ cảm nhận được giá trị của yêu thương, chủ động, mạnh dạn bày tỏ và thể hiện tình yêu thương của mình với mọi người và sự vật hiện tượng xung quanh thông qua cảm xúc, cử chỉ, lời nói sự quan tâm, động viên, chăm sóc và hành động chia sẻ
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
75. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	90. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	99. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
76. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	91. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	100. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
77. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	92. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	101. Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
78. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	93. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...biết 1 số hình	102. Nhận ra và hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... thể hiện

	<i>thức hát: bè, hợp xướng...</i>	<i>được một số hình thức hát như: Bè, hợp xướng, lĩnh xướng...</i>
79 Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa,).	94 Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, vận động minh họa, múa).	103. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)
80. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	95. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	104. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
81. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	96. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	105. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
82. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	97. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	106. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
83. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	98. Làm lõm, dõ bet, bề loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	107. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
84. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	99. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	108. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
85. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	100. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	109. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
86. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	101. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	110. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích
87. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	102. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	111. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn
88. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	103. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	112. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
	104. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	113. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.
- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Thời gian	Thời lượng	Hoạt động CS – GD	Hoạt động dịch vụ	Thời lượng
7h 15 – 8h00	30 phút	Đón trẻ, chơi ở các góc	Trẻ ăn sáng theo nhu cầu đăng ký	
8h00 – 8h30	30 phút	Thể dục sáng – Điểm danh		
8h30 – 10h40	35 - 40 phút	Hoạt động học		
	40 – 50 phút	Hoạt động góc		
	30 - 40 phút	Hoạt động ngoài trời		
10h40 - 11h40	15 phút	Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn		
	45 phút	Ăn bữa chính		
11h40 - 14h00	15 phút	Vệ sinh cá nhân - Chuẩn bị ngủ		
	135 phút	Ngủ trưa		
14h00– 15h00	20 phút	Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn	- Hoạt động ngoại khóa: Múa, Sáng tạo nghệ thuật, Võ, Kỹ năng sống, Gokid.	1 buổi/tuần
	40 phút	Ăn bữa phụ		
15h00– 16h00	15 phút	Vệ sinh cá nhân	- Hoạt động làm quen với Tiếng Anh (Emspie)	2 buổi/tuần
	45 phút	Hoạt động chiều Hoạt động ngoại khóa, bổ trợ		
16h00 – 17h30	90 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích – bổ trợ Vệ sinh- Trả trẻ		

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc nuôi dưỡng – chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

Số lượng trẻ 30-35 trẻ/lớp với 2 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; có quy trình chăm sóc-nuôi dưỡng khoa học, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc – nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

1. Tổ chức bữa ăn

- Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Chế độ dinh dưỡng phù hợp theo từng độ tuổi, từng mùa đáp ứng nhu cầu phát triển về thể chất của trẻ. Thực đơn được thay đổi theo tuần. Đảm bảo nhu cầu năng lượng của trẻ tại trường 1 ngày là 615Kcal- 726Kcal
- Số bữa ăn: 1 bữa chính, 1 bữa phụ.
 - + Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn, có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua hoặc hoa quả theo mùa) từ thứ hai đến thứ 6;
 - + Bữa phụ (chiều): thực đơn thay đổi theo mùa và sữa
- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%; L: 25 - 35%; G: 52- 60%. Thực hiện tính tỷ lệ Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ và cân đối kịp thời: Canxi: 420mg Ca/ngày/trẻ, B1: 0.52mg B1/ngày/trẻ.
- Nước uống: 1,6 lít – 2,0 lít /trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn); nhà trường sử dụng nước đóng chai HADOWA trong toàn trường, có ký hợp đồng mang tính pháp lý, cam kết chất lượng và xét nghiệm nước uống tinh khiết đóng chai theo quy định.
- Tăng cường ăn bổ sung phòng chống nóng, phòng chống rét, phòng chống dịch:
 - + Tăng cường ăn thực phẩm giảm đạm (óc chó, hạnh nhân) vào những đợt trời rét đậm, rét hại trong năm.
 - + Tăng cường bữa phụ chiều: uống bổ sung thêm nước quả vào những đợt trời nắng nóng.

2. Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 135 phút).
- Có hệ thống chăn, ga, gối, đệm cho trẻ, có rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông;.
- Có hệ thống điều hòa nhiệt độ, quạt, rèm chống nắng đảm bảo mát mẻ về mùa hè.

3. Vệ sinh:

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ.
- Hệ thống cửa ra vào, cửa sổ các lớp học được lắp đặt lưới chống muỗi, chống côn trùng.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.
- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lý rác, nước thải đúng qui định đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- *Khám sức khỏe định kỳ 1- 2 lần/năm.* Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lý ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
- *Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử...*
- *Tư vấn cho phụ huynh về: Những vi chất dinh dưỡng cần thiết cho sức khỏe, tầm vóc và trí thông minh cho trẻ; Những điều cha mẹ cần biết để giúp trẻ phát triển khỏe mạnh...*
- *Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.*

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) *Phát triển vận động*

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Tập các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) *Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

*** Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<i>Phát triển vận động</i>			
1. Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra; Gà gáy o..o..o; Thổi bóng bay; Thổi nơ bay; Còi tàu tu..tu..tu; Máy bay ù..ù..ù		
	Tay: - Đưa 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên - Hai tay đưa sang ngang, lên cao - Hai cánh tay đánh xoay tròn	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	trước ngực, đưa lên cao - Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau - Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang - Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực	+ Đưa hai tay ngang gập bàn tay sau gáy + Hai tay thay nhau đưa thẳng lên cao + Xoay bả vai + Hai tay thay nhau quay dọc thân	- Tay đưa ra trước, gập trước ngực (có thể tập với gậy, vòng) - Tay đưa ra trước, đưa lên cao (có thể tập với cờ, nơ) - Tay đưa ngang (hoặc lên cao) gập khuỷu tay (ngón tay để trên vai) có thể tập với nơ - Tay gập trước ngực, quay cẳng tay và đưa ngang - Tay thay nhau quay dọc thân (có thể tập với cờ, nơ)
	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng nghiêng người sang bên + Đứng cúi về trước, ngả người ra sau + Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp tay đưa lên cao hoặc đặt sau gáy	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi duỗi chân, cúi gập người về trước + Ngồi duỗi chân, quay người sang bên + Ngồi duỗi chân, hai chân thay nhau đưa thẳng lên cao	- Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Đứng quay người sang bên 90
	- Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. + Đứng khụy gối + Bật tách- chụm chân tại chỗ + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang	- Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. + Bước một chân ra trước khụy gối + Bật luân phiên chân trước, chân sau.	- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. + Bước khụy một chân về phía trước chân sau thẳng + Bước khụy chân sang trái, chân sang phải và ngược lại.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	+ Đứng nâng cao chân và gập gối + Bật lên trước, lùi sau, sang bên		+ Bật tiến về phía trước + Bật tách khớp chân + Bật luân phiên chân trước, chân sau.
2. Tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	- Đi và chạy: + Đi kiễng gót 3m + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. + Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi đúng tư thế (Chân bước đều, phối hợp tay chân nhịp nhàng, người ngay ngắn, đầu không cúi) + Đi trong đường hẹp + Đi ngang bước dồn - Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng + Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt (3-4 điểm)	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặt (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60-80m.	- Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đặt theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100-120m. + Đi thẳng bằng trên ghế + Chạy thay đổi hướng zíc zắc theo hiệu lệnh (Có vật chuẩn) + Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian + Chạy vượt qua chướng ngại vật - Chạy chậm khoảng 100-200m
	- Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). + Bò theo hướng thẳng	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích đặt qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích đặt qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 gióng thang.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) + Bò thấp; Bò cao + Trèo ghế; Trèo thang	+ Trèo lên, xuống 5 giống thang.	
	- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	-BAT - nhảy: +BAT tại chỗ. +BAT về phía trước. +BAT xa 20 - 25 cm. +BAT qua dây +BAT ô +BAT vào vòng TD +Nhảy lò cò tại chỗ * Thực hiện các bài tập tổng hợp: - Bò cao, bat ô, - Bò trong đường hẹp, chạy 15m, - Bat sâu, đi trong đường hẹp, ném đích đứng	-BAT - nhảy: +BAT liên tục về phía trước. +BAT xa 35 - 40cm. +BAT - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). +BAT tách chân, khép chân qua 5 ô. +BAT qua vật cản cao 10 - 15cm. +Nhảy lò cò 3m. * Thực hiện các bài tập tổng hợp: +BAT xa, ném xa, chạy nhanh 10m. +Bò qua ống dài, bat xa, ném xa bằng 2 tay +BAT sâu, đi trên vạch kẻ sần, ném đích đứng +Bò chui qua cổng, đi trên ghế TD, ném xa = 1 tay.	-BAT - nhảy: +BAT liên tục vào vòng. +BAT xa 40 - 50cm. +BAT - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). +BAT tách chân, khép chân qua 7 ô. +BAT qua vật cản 15 - 20cm. +Nhảy lò cò 5m. +Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. Bài tập tổng hợp: -BAT xa 50cm - ném xa bằng 1 tay. -BAT tách chân, khép chân - Lăn bóng 4m. -Ném xa bằng hai tay - Chạy nhanh 15m. -Đi thẳng bằng trên ghế thể dục - ném trúng đích thẳng đứng. -Đi thẳng bằng trên ghế thể dục- Ném trúng đích bằng một tay -Đi thẳng bằng trên ghế thể dục - ném xa bằng

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
			2 tay. - Bật liên tục vào vòng - Lăn bóng bằng 2 tay và di chuyển theo bóng - Bật khép, tách chân – Ném đích ngang bằng 2 tay - Bật tách khép chân – ném đích ngang – chạy nhanh 12m - Trườn sấp – trèo qua ghế thể dục. - Chuyển bóng bên phải bên trái – Chạy chậm 100m
	- Đẩy, đập, kéo + Lăn và di chuyển theo bóng + Lăn bóng 2 tay + Lăn bóng qua lại với bạn	- Lăn, đẩy, đập, kéo + Lăn bóng bằng 2 tay + Lăn bóng vào đích + Kéo co + Đập xe trên không	- Lăn, đẩy, đập, kéo + Lăn bóng vào đích + Boling + Kéo lớp xe + Kéo co + Đập xe trên không + Dây gậy
3. Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. - <i>Xúc hạt, kẹp gấp</i>: Xúc hạt to, hạt nhỏ, xúc hạt vào khuôn. - Trò chơi ngón tay: + Xoay tròn cổ tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - <i>Gấp bông (Montessori)</i> - <i>Gấp hạt to (Montessori)</i> - <i>Gấp hạt nhỏ (Montessori)</i> - <i>Xúc hạt vào khuôn (Montessori)</i> - <i>Chuyển nước từ bát sang bát bằng mút</i>	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - <i>Xúc hạt, kẹp gấp, đóng mở đai da.</i> - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Hướng dẫn trẻ cách sử dụng kéo. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	+ Gập đan các ngón tay vào nhau + Tập cắt theo đường thẳng + Xé, dán giấy + Sử dụng kéo , bút chì + Tô màu tranh, vẽ tổ chim... + Lật từng trang sách + Xếp chồng 8- 10 khối gỗ + Cắt các đoạn thẳng: Cắt hàng rào... + Chơi lắp ghép; Chơi xếp hình + Chơi ghép tranh; Dán tranh + Vẽ nguệch ngoạc trên cát. + Xâu luồn dây + Vặn, vo, vò...	- Thả tấm vào lọ (Montessori) - Tự cài, cởi cúc, kéo phéc mơ tuya đúng khéo léo buộc dây giày. - Cuộn xoay tròn cổ tay - Gập mở các ngón tay - Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt được thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Cách mặc áo, cởi áo (mắc quần áo) - Cách chải tóc - Cách gấp quần áo - Lật từng trang sách - Xé, cắt đường vòng cung, xé lá, giấy - Đan nong môt. - Gập hình các đồ dùng, con vật: Cái bàn, cái thuyền, ngôi nhà, cái áo, con chó, con ếch. - Cắt theo đường khác nhau (thẳng, lượn cong, dích dắc,...) - Chơi ghép tranh; Cắt theo hình - Cắt theo chỉ dẫn - Đồ số, hình; Đồ trên cát - Dán tranh; Dán hình theo yêu cầu - Trang trí các hình - Trang trí đồ vật, trang phục, đồ dùng.... - Vặn, xoắn, vo , vò, xé...	- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc mơ tuya. - Gấp bông, gấp hạt to - Gấp hạt vào khuôn - Kẹp nhíp - Lau lá cây, tưới cây - Chuyển nước bằng mút xốp - Cài cúc áo khuyết dọc, khuyết ngang, kéo khóa, - Rót khô theo định mức. - Rót hạt và đong hạt - Buộc dây giày - Hót hạt, hót giấy. - Cắt theo đường thẳng (nhiều nhất kéo), Cắt hình gấp khúc, cắt theo theo hình lượn sóng, hình tròn, hình xoắn ốc, theo viền hình vẽ - Vẽ hình theo khuôn và tô màu, rắc nhũ - Xây dựng, lắp ghép tạo thành hình có ý nghĩa. - Chồng lên nhau khoảng 12- 15 khối nhỏ - Chơi với kẹp quần áo. - Cài cởi cúc áo, kéo khóa, xâu luồn, gói, buộc thắt nút đơn giản. - Tết dây đôi, quần, cuộn dây. - Lật từng trang sách - Tập thêu, đan tết. - Đan nong môt. - Vặn, xoắn, ngắt, vo , vò, xé...
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Tìm hiểu và tập nói được tên một số món ăn hàng ngày - Trò chuyện về các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Trò chuyện sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Trò chuyện về các chất dinh dưỡng có trong các nhóm thực phẩm. - Tập cho trẻ ăn đa dạng các loại thức ăn để phát triển sức khỏe	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Trò chuyện về các hành vi, thói quen vệ sinh, ăn uống tốt. - Trò chuyện về các loại thực phẩm có lợi và có hại cho sức khỏe. - Trò chuyện với trẻ về tác dụng khi ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Nghe giới thiệu các món ăn hàng ngày ở lớp và gọi tên các chất có trong thực phẩm.
	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ đi cầu thang, cất ba lô, bê ghế - Hướng dẫn trẻ gấp khăn gọn gàng khi lau mặt -Làm quen cách đánh răng, lau mặt.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số hành vi trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không ăn các loại thức ăn có mùi ôi thiu, không uống nước lã..	- Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Có thói quen bỏ rác đúng nơi quy định - Thực hành tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Hướng dẫn trẻ cách xúc miệng nước muối. - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. - Thực hành tự rửa thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Tập thói quen xúc miệng nước muối sau khi ăn - Tập mặc quần áo, cởi áo, kéo khóa áo. - Hướng dẫn trẻ cách cởi giày, cất dép - Hướng dẫn trẻ lấy nước ống không bị đổ - Hướng dẫn trẻ cầm thìa bằng tay phải, cầm bát tay trái, biết xúc cơm gọn gàng, không làm đổ, không làm rơi vãi - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh khi có nhu cầu, đúng nơi quy định.	- Tập vệ sinh răng miệng - Hướng dẫn trẻ đội mũ khi ra nắng - Mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh - Đi giày dép khi đi học	- Thực hành đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Dạy trẻ cách chải tóc, buộc tóc để giữ đầu tóc gọn gàng. - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo: thìa, bát, cốc, đĩa....
	<i>Thực hiện kỹ năng:</i> - Đi cầu thang - cởi và cất giày dép - cất ba lô, - cách đứng lên ngồi xuống ghế - cách bê ghế - cách sử dụng thìa. - Bóc trứng củt (Montessori) - Xúc hạt to - Xúc hạt nhỏ - Rót khô - Thả tấm vào lọ (Montessori) - Cách mở và đóng nắp hộp (Montessori)	<i>Thực hiện kỹ năng:</i> - Đi cầu thang - Cách mở và đóng nắp hộp (Montessori) - Cách mở và đóng nắp chai lọ (Montessori) - BT bấm cúc (Montessori) - Cách lồng tất(Montessori) - Cách đi tất (Montessori) - Cách gấp áo (áo phông, áo sơ mi) (Montessori) - Cách mặc áo chui đầu (Montessori) - Nạo dưa chuột, cà rốt (Montessori) - Tuốt rau ngót - Cách gấp áo khoá (Montessori)	<i>Thực hiện kỹ năng:</i> - Đi dép đúng chiều, đi dép có quai - Cách mở cửa an toàn(Montessori) - Cách trải chiếu, gấp chiếu - Cách xếp gối - Cách bê bàn và kê bàn - Cách lau bàn (Montessori) - Tuốt rau ngót - Cách gấp áo (áo phông, áo sơ mi) (Montessori) - Cách mặc áo chui đầu (Montessori) - Nạo dưa chuột, cà rốt (Montessori) - Cách đội mũ - Cách gấp áo khoá (Montessori) - Cách mặc áo khoác (Montessori)

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Cách mở và đóng nắp chai lọ (Montessori) - Cách lồng tất(Montessori) - Cách đi tất (Montessori)	- Cách mặc áo khoác (Montessori) - Vắt cam, quýt (Montessori) - Pha nước chanh - Cách gấp quần (Montessori) - Giã vừng lạc(Montessori) - Cách gấp chăn (2 bạn); - Cách lồng, tháo vỏ gối - Nhặt rau muống - Kỹ năng chải tóc, tết tóc(Montessori)	- Cách gấp quần (Montessori) - Giã vừng lạc(Montessori) - Cách gấp chăn (2 bạn); - Cách lồng, tháo vỏ gối - Kỹ năng chải tóc, tết tóc(Montessori) - Cách sử dụng mắc quần áo(Montessori) - Cách đội và cài quai mũ bảo hiểm. - Cách sử dụng kéo, - Cắt móng tay, - Quét rác trên sàn - Lau chùi nước - Mời trà - Rửa cốc, - Vắt khăn ướt - Đánh giày - Cách sử dụng đĩa, - Trượt cây, lau lá cây.
3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		
	Biết bảo vệ đôi mắt: không xem tivi quá lâu, quá gần; không xem điện thoại nhiều, không dùng tay mắt sờ mắt...		
	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		
	- Nhận biết trang phục theo thời tiết.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Biết thuốc lá có hại cho sức khỏe</i>		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	+ Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Trẻ làm quen và nhận biết một số ký hiệu thông thường như: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối thoát hiểm ... - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

Khám phá khoa học

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Các bộ phận của cơ thể con người	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Khuôn mặt bé yêu	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Các bộ phận trên cơ thể bé - Các giác quan trên cơ thể bé (Thị giác, thính giác, xúc giác, ...) - Khả năng và các ước mơ của tôi. Bé và các bạn trong khối	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Đôi bàn tay của bé - Đôi bàn tay kỳ diệu . - Bé cần gì để nghe. - Đôi tai bé. - Giác quan; Các bộ phận có đôi; bạn đang vui hay buồn	- Sự khác biệt giữa tôi và bạn. Sự lớn lên của bé. Những gương mặt xinh. Tôi lớn lên và thay đổi như thế nào ? Chúng ta khác nhau như thế nào. Tôi bị ốm. - Cảm xúc của bé. Nói lời yêu thương. Cách giải tỏa cảm xúc tiêu cực - Âm thanh quanh bé	
2. Đồ vật: <i>Đồ dùng, đồ chơi</i> <i>Phương tiện giao thông</i>	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đồ dùng gây nguy hiểm - Đồ dùng đồ chơi lớp bé - Đồ dùng gia đình - Đồ dùng ăn uống	- Đặc điểm, chất liệu, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. <i>Chất liệu của đồ dùng, đồ chơi</i> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. <i>- Các đồ dùng cần thiết trong gia đình bé.</i> <i>Khám phá đồ dùng ăn uống, Điện thoại thông minh... Phân loại một số đồ dùng gia đình.</i>
	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - <i>Phương tiện giao thông hàng không: Máy bay...</i> - <i>Phương tiện giao thông đường thủy: Tàu thủy, ca nô, thuyền....</i> - <i>Phương tiện giao thông đường bộ : Xe máy, Xe đạp, Ô tô Xe tải, xe khách, tàu hỏa</i> - <i>Làm bãi đỗ ô tô</i> - <i>Nội quy, quy định giao thông</i> - <i>Đèn giao thông</i> - <i>Bé ngồi xe an toàn</i>	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>Phương tiện giao thông</i> - <i>Phương tiện giao thông đường bộ có 4 bánh</i> - <i>Phương tiện giao thông đường bộ có 2 bánh</i> - <i>Tàu thủy,</i> - <i>Máy bay</i> - <i>Tàu hỏa.</i> - <i>Quy định giao thông đơn giản.</i> - <i>Thực hành tham gia giao thông</i> - <i>Biển báo giao thông đơn giản (Biển cấm, biển chỉ dẫn...)</i>	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - <i>Bé tìm hiểu luật giao thông. Phương tiện thô sơ - Phương tiện chạy bằng động cơ. Các loại xe ô tô. Các loại phương tiện giao thông đường thủy. Các loại phương tiện giao thông đường không. Phân loại phương tiện giao thông theo vùng hoạt động.</i> <i>Phân loại biển báo giao thông đường bộ</i> - <i>Văn hóa khi tham gia giao thông nơi công cộng.</i>

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
3. Động vật và thực vật	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. + Quả tráng miệng + Rau ăn lá, rau ăn củ + Một số loài hoa + Con ong, con bướm - Cách chăm sóc và bảo vệ cây (hoa, cây xanh) - Những chiếc lá xinh - Một số loại cây	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Cây bong mát + Quả mít + Côn trùng: Ích lợi- tác hại	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - <i>Sự phát triển của con gà. Gia đình nhà gà. Những chú mèo ngộ nghĩnh. Con vật sống dưới nước. Sự phát triển của ếch. Các con vật sống trong rừng. Các con côn trùng. Tìm hiểu về loài bướm. Tìm hiểu về vòng đời của bướm. Các loài chim</i> - Động vật quý hiếm. Tìm hiểu về những con vật có ích. Phân nhóm động vật theo dấu hiệu
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. + So sánh 2 con vật: Trâu- hổ; gà- vịt;	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. + Quả vỏ nhẵn - Quả vỏ sần. Quả một hạt - Quả nhiều hạt
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Gia súc- gia cầm + Quả tráng miệng và quả chế biến + Cây hoa- cây rau + Loại hoa có mùi hương	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Cây ăn quả. Cây cho bóng mát. Cây cảnh - Tìm hiểu về những chiếc lá. Phân nhóm cây với các dấu hiệu khác nhau. + Quả chua- Quả ngọt; + Phân loại hoa theo mùa, theo mùi, theo màu
	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. + Cây ăn quả + Cây cảnh, Cây lấy bóng mát.. + Trứng gà- trứng vịt	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sự thay đổi kỳ diệu của con vật. - Cây xanh và môi trường sống. Cây được hình thành từ đâu? - Ích lợi của một số con vật - Cây bong mát và cây lấy gỗ - Côn trùng có ích?	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. + Cách tưới nước và lau lá cây	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Bé chăm sóc vật nuôi + Thú cưng của bé + Cây cần gì để lớn lên + Làm nhà cho vật nuôi	
4. Một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Tại sao bé bị cảm nắng? Cảm lạnh + Bé mặc áo mưa khi nào?	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Trang phục mùa đông của bé - Mùa đông - Bé giữ ấm cơ thể. - Mặt trời có khi nào. - Ích lợi của mặt trời - Đặc điểm của đất, cát, sỏi đá - Vì sao có mưa?	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Mùa xuân, Mùa hè, Mùa thu, Mùa đông - Thời tiết mùa hè. Thời tiết mùa đông. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Trang phục theo mùa + Mùa hoa: hoa đào- hoa mai; Hoa phượng; Hoa cải... - Sự hình thành mưa. Nước- vòng tuần hoàn của nước. Vai trò của nước. Tính chất của nước. Nước với sự sống. Làm bể lọc nước. - Khám phá vật chìm-vật nổi. - Một số hiện tượng tự nhiên(Mưa, gió, sấm, chớp....). - Thiên tai : Lũ lụt , hạn hán, xâm nhập mặn. - Tìm hiểu về ánh sáng
Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Khi nào mặt trời lên + Khi nào mặt trời đi ngủ	Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + Thời gian biểu trong ngày + Kể tên hoạt động trong ngày + Ngày bé làm gì? Đêm bé làm gì?	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Trái đất. Hệ mặt trời. - Mặt trăng và các vì sao. - Ngày và đêm

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
Nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Bé tìm hiểu nguồn nước thiên nhiên - Bé tìm hiểu nguồn nước máy - Bé tìm hiểu nguồn nước giếng khoan - Một số tính chất đơn giản của nước - Lợi ích của nước - Không có nước bé sẽ như thế nào	- Các nguồn nước trong môi trường sống. + Các nguồn nước + Vòng quay của nước + Nước máy làm như thế nào - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. + Nước với sự sống + Cây xanh sẽ ra sao nếu không có nước + Khi khát bé thấy như thế nào + Lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn + Nước và lũ lụt	
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Tan và không tan + Thí nghiệm nước bốc hơi + Nước có màu, có mùi, có vị không nhỉ? + Hình dạng của nước như thế nào? - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Tại sao nước ô nhiễm + Nước ô nhiễm sẽ như thế nào? + Làm gì để bảo vệ nguồn nước? + Làm máy lọc nước	
Không khí, ánh sáng,	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Mặt trời + Bóng điện + Các vật phát sáng	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Làm một số thí nghiệm về: Nước, sự chuyển động của nước, ánh sáng, vật nặng nhẹ, chìm nổi, sự biến đổi của màu sắc. - Ánh sáng tự nhiên- Ánh sáng nhân tạo - Thí nghiệm trồng cây	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
Đất đá, cát, sỏi	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Tan trong nước không nhỉ? + Cát từ đâu mà ra + Cát sỏi dùng làm gì nhỉ?		

Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Nhận biết nhóm số lượng 1, 2 - Dạy trẻ đếm, nhận biết số lượng 2, 3, 4, 5 - Đếm vệt - Thi đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm xác định số lượng trên nhóm đối tượng đến 10 - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm vệt - Đếm xuôi đếm ngược trong phạm vi 10	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm từ 0 đến 10, Đếm theo khả năng, Đếm xuôi – đếm ngược - Đếm xuôi, đếm ngược, đếm chẵn, đếm lẻ đếm trong phạm vi 20. - Đếm chẵn, lẻ. Đếm cách (2, 5, 10)
	- Nhận biết 1 và nhiều. - Nhận biết, phân biệt 1 và nhiều - Ghép đôi - Nhận biết mối quan hệ nhiều bằng nhau - Nhận biết mối quan hệ nhiều hơn, ít hơn. - Nhận biết nhiều- ít.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Cùng cố đếm đến 3,4,5, nhận biết số lượng 3,4,5; nhận biết chữ số 1,2,3,4,5. Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 2,3,5 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 5 - Trật tự chữ số 0->5	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Trật tự dãy số từ 0->10 và tiếp theo. - Dạy trẻ chữ số 6 (7,8,9,10), số lượng và số thứ tự trong phạm vi 6 (7,8,9,10) - So sánh số lượng 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6 (7,8,9,10)
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Gộp 2 nhóm trong phạm vi 5 và đếm		- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Gộp/ tách các nhóm số lượng trong phạm vi 6 (7,8,9,10) bằng các cách khác nhau và đếm.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. Tách 2 nhóm trong phạm vi 5 và đếm Gộp 2 nhóm trong phạm vi 5 và tách		
		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). Số điện thoại của bố, mẹ... ? Biển số xe của bố, mẹ ? Sinh nhật của người thân ? Số tuổi của các thành viên trong gia đình Các chữ số trên bàn phím điện thoại Passwords là gì ?	
2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. Chuẩn bị bàn ăn Bày hoa quả Tìm bóng cho hình Tìm đồ cho đủ đôi		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Ghép đôi con vật - Ghép trang phục - Gia đình nhà gà (vịt, trâu, bò...)
3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ. - So sánh dài – ngắn, cao- thấp, toa- nhỏ; Ghép đôi - Dạy trẻ nhận biết sự khác nhau rõ nét về chiều cao của 2 đối tượng (Cao hơn – thấp hơn) - Ghép đôi cho đủ cặp - Ghép cho đủ yêu cầu: Cao- thấp, ngắn- dài.... - Vẽ/ tô/ dán thêm cho đúng xen kẽ	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. + Sắp xếp 2, 3 đối tượng theo quy tắc + Sắp xếp tăng dần- giảm dần	
			- Tạo ra qui tắc sắp xếp. Trang trí đường diềm Trang trí khăn trải bàn Trang trí đồ dùng đồ chơi theo quy tắc SX cho trước hoặc tự do theo ý thích

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
4. Đo lường		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Làm quen với mục đích của phép đo - Dạy trẻ kỹ năng đo độ dài Cao hơn, thấp hơn. - Dạy trẻ so sánh sắp xếp thứ tự các đối tượng, hình thành mối quan hệ cao nhất, thấp nhất. (dài nhất, ngắn nhất)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo độ dài 1 đối tượng bằng 2 đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo - So sánh chiều dài 3 đối tượng - So sánh chiều cao ba đối tượng - Sắp xếp theo thứ tự to – nhỏ. - Ôn các mối quan hệ khi đo
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo - Làm quen với mục đích của phép đo độ lớn - Dạy trẻ kỹ năng đo độ lớn	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo độ lớn 1 đối tượng bằng 2 đơn vị đo khác nhau - Đo độ lớn 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo - Vật nào nặng hơn.
5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Nhận biết hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật - Nhận biết đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Nhận biết, phân biệt hình vuông, hình chữ nhật - Nhận biết phân biệt hình vuông, hình tam giác - Nhận biết các hình hình học trong cuộc sống, ứng dụng trong cuộc sống để trang trí, sáng tạo...	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Nhận biết, gọi tên hình khối. - So sánh khối cầu- khối trụ; khối vuông- khối chữ nhật,... - Các dạng hình khối trong cuộc sống - Ứng dụng các hình khối trong nghệ thuật và trò chơi
	- Sử dụng các hình hình học để ghép ghép. - Ghép tranh PTGT, Nhà...	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Chắp ghép hình, chắp ghép khối tạo thành sản phẩm có nội dung	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Chắp ghép thành bức tranh	- Quy tắc đối xứng trục, đối xứng tâm	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - Chiếu chun kỳ diệu - Gấp giấy - Ghép 2-3..hình để thành hình mới - Tam giác kỳ diệu (Bộ montesory)
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. - Nhận biết tay phải tay trái của bản thân - Nhận biết phía trên, phải dưới, phía trước, phía sau của bản thân	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ - Xác định Phía trên dưới, Phía trước sau của bản thân - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của người khác - Xác định phía phải, phía trái của bản thân và của người khác	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Xác định phía phải, phía trái của người khác. - Xác định phía phải, phía trái của đối tượng khác (không phải người) có sự định hướng.
		- Nhận biết các buổi: sang, trưa, chiều, tối - Dạy trẻ các buổi trong ngày - Kể tên các hành động gắn liền với hoạt động trong ngày	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Dạy trẻ xem lịch - Kể lại chuyện đã xảy ra - Ngày mai con làm gì - Cho trẻ làm quen với biểu tượng “Hôm nay”, “Hôm qua”, “Ngày mai”. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
			Gọi tên các thứ trong tuần - Kể tên các hoạt động ứng với các thứ trong tuần - Nhận biết thời gian trong ngày.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
			- Hình thành biểu tượng về tuần lễ. - Hình thành biểu tượng về các mùa trong năm. - Cho trẻ làm quen với lịch. Xem lịch, bóc lịch - Dạy trẻ xem lịch (ngày, tháng, năm trên lịch). Gọi tên các ngày trong tuần.

Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Xem tranh, trò chuyện về các kiểu nhà, địa chỉ và các thành viên trong gia đình, những hoạt động của gia đình trong ngày nghỉ cuối tuần. - Bé yêu bố mẹ - Bố của bé, Mẹ của bé - Ông, Bà của bé - Gia đình bé có những ai - Đồ dùng ăn, uống. - Chọn đồ dùng phù hợp với thời tiết - Trang phục giống nhau - Ngày nghỉ bé giúp gì cho mẹ?	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Bản thân bé - Bé giới thiệu về mình; Tôi là ai - Các bộ phận trên cơ thể bé - Khuôn mặt bé yêu - Các giác quan trên cơ thể bé (Thị giác, thính giác, xúc giác, ...) - Đôi bàn tay kỳ diệu . - Bé cần gì để nghe; Đôi tai bé. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Đồ dùng gia đình bé. - Đồ dùng phòng khách nhà bé - Đồ dùng phòng ăn nhà bé - Đồ dùng phòng ngủ nhà bé - Chiếc điện thoại thần kỳ.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Sự khác biệt giữa tôi và bạn. Sự lớn lên của bé. Những gương mặt xinh. Tôi lớn lên và thay đổi như thế nào ? Chúng ta khác nhau như thế nào ?. Các bộ phận trên cơ thể bé. Các giác quan trên cơ thể bé. Đôi bàn tay của bé. Tôi bị ốm. Cách gấp quần áo - Cảm xúc của bé. Nói lời yêu thương - Các thành viên trong Gia đình của bé. - Những người thân yêu của tôi - Công việc của các thành viên trong gia đình bé.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Bé thích đi đâu? - Bé thăm ông bà - Món ăn mẹ nấu.	- Phân loại đồ dùng trong gia đình - Bố, mẹ của bé - Ngôi nhà thân yêu. - Căn bếp của mẹ - Các ngày vui của gia đình - Kể về công việc của bố/mẹ/người thân	- Các đồ dùng cần thiết trong gia đình bé. - Khám phá đồ dùng ăn uống, Điện thoại thông minh. Phân loại một số đồ dùng gia đình. Các kiểu nhà; gia đình lớn- gia đình nhỏ - Gia đình của bé, Mẹ của bé, bố là tất cả - Món ăn gia đình bé - Ngày vui trong gia đình bé.
	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Lớp học của bé/ Đồ chơi trong lớp bé - Đền lớp bé được làm gì - Trò chuyện về Cô giáo trong lớp: Nói tên các cô trong lớp, một số công việc của các cô - Trò chuyện bác bảo vệ - Tham quan các khu vực trong nhà trường, quan sát các cô, bác nhà bếp làm việc.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Trường Mầm non của bé - Lớp học của bé - Đồ dùng trong lớp bé, Đồ chơi trong lớp bé - Các bạn của bé; Cô giáo lớp bé. - Nội quy lớp bé - Bé cùng cô xây dựng nội quy lớp - An toàn trong lớp học. - Cô bác trong trường - Bạn trai, bạn gái	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Các bác các cô trong trường. Bác hiệu trưởng. Bác bảo vệ trong trường. Các bác cấp dưỡng trong trường - Đồ chơi ngoài trời. Bé chơi học an toàn. An toàn khi ở trường, ở lớp. - Nội quy lớp học; làm quen với các bạn; Các góc chơi trong lớp bé
2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. Chú bộ đội tí hon - Trang phục chú bộ đội - Bé yêu chú bộ đội. - Chú công nhân xây dựng - Trang phục của bé - Cô thợ may	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề phổ biến trong xã hội; - Kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy. - Lính cứu hỏa - Công an, kiến trúc sư, cô cấp dưỡng, cô y tá, bác lao công. - Chú cảnh sát giao thông - Tìm hiểu về nghề xây dựng .Nghề Bác sỹ. Bác nông dân.Cửa hàng làm tóc.Những	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Nghề dệt lụa Vạn Phúc - Bác nông dân - Bác tài xế - Bác thợ xây - Cô thợ may khéo léo - Chú cảnh sát giao thông - Ai may quần áo cho bé	mảnh vải vui nhộn. Sự kỳ diệu của giấy. Nghề dệt lụa. Nghề nón. Nghề rèn - Nghề gốm Bát Tràng. - Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12. - Chú bộ đội hải quân - Chú bộ đội không quân - Phân biệt trang phục của các chú bộ đội	
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. Thủ đô Hà Nội - Danh lam Hà Nội - Món ăn Hà Nội - Chợ Hà Đông - Lá cờ đỏ sao vàng - Lễ hội làng Mậu Lương	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Ngày giải phóng Thủ Đô, Thăng Long-Hà Nội - Tìm hiểu về thủ đô Hà Nội. Danh lam thắng cảnh nổi tiếng của quê hương bé. Hà Nội trong mắt em - Cờ một số quốc gia đông nam Á. - Lá cờ tổ Quốc. - Hình dáng bản đồ Việt Nam - Lễ hội truyền thống đình làng Mậu lương	

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

*** Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Gọi tên, kể tên các đồ vật, đồ chơi - Nghe chuyện, đọc thơ, ca dao, tục ngữ... Kể tên nhân vật. - Trò chuyện về người thân của bé, tên các thành viên trong gia đình	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Kể chuyện, đọc thơ, ca dao, tục ngữ phù hợp - Kể tên 2-3 tính chất của đồ vật: Mềm mại, sắc sù... - Kể về bản thân, về bạn, người thân của bé: Xinh đẹp, vui tính,... - Tập cho trẻ nói và sự các từ như: Vui quá, ôi, tiếc quá, thất vọng quá...	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Tìm điểm chung của 1 nhóm con vật, đồ vật - Tìm từ trái nghĩa - Tìm từ đồng nghĩa - Kể chuyện, đọc thơ, ca dao đồng dao... phù hợp - Làm sách truyện theo nội dung - Học các từ là danh từ - Học các từ là động từ - Học các từ là tính từ
	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Đưa ra một số yêu cầu đơn giản để trẻ nghe hiểu và thực hiện. - Trò chơi lấy theo yêu cầu	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu của cô qua các hoạt động lao động tự do, hoạt động chơi ... - Tìm đồ dùng/đồ chơi theo hiệu lệnh: Đi thẳng rồi rẽ trái, Lấy chiếu ghế màu xanh gần cửa ra vào	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu của cô qua các hoạt động lao động tự do, hoạt động chơi ... - Thực hiện 2-3 yêu cầu liên tiếp: Bước về trước 3 bước, cầm bông màu xanh đi về bên trái,...
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Trò chuyện để nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc. - Cho trẻ nghe và phân biệt được các tiếng, từ gần giống	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Mô tả hành động của các nhân vật có trong tranh, truyện, bài thơ, câu đố..., kể truyện theo trình tự thời gian hoặc kể về chuyện có mở đầu có kết thúc - Hướng dẫn trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát qua các hoạt động Truyện, thơ, khám phá, trò chuyện... - Tập kể lại sự việc theo trình tự, kể chuyện có mở đầu, kết thúc - Tập luyện cho trẻ thường xuyên sử dụng các từ “ cảm ơn”, “ xin lỗi”, “ mời bạn”, “ mời cô” “ dạ”, “ thưa”, “ xin phép” ... trong giao tiếp hàng ngày. - Cho trẻ nghe băng đài các bài thơ câu chuyện trong chương trình. Đọc chuyện cho	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	nhau, chỉ khác một âm vị hay một thanh: tai - tay, gan - ngan, mũi - núi, cà - gà, cá - lá, cà - cá. - Nghe ngữ điệu thể hiện các sắc thái tính cảm khác nhau. - Trò chuyện với cô và bạn, nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi của người đối thoại.	trẻ nghe - Xem tranh chuyện, làm quen với sách, tập cầm sách, giở sách và “đọc” theo tranh vẽ - Xem video các câu chuyện - Cho trẻ tập đóng kịch theo nội dung câu chuyện - Kể chuyện sáng tạo; Kể cái kết câu chuyện... - Kể lại kỷ niệm của bé với người thân, bạn thân, sự kiện bé được tham gia...	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao đồng dao... Xem vi deo truyện Nghe ngâm thơ, nghe đọc truyện...		
	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Nghe các câu chuyện phù hợp Hát, nghe hát các bài hát phù hợp Đọc ca dao, đồng dao, hò vè...		
2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Cho trẻ tập kể lại sự việc đơn giản: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim ... - Luyện tập đọc thuộc các bài thơ, ca dao đồng dao... - Tập kể lại chuyện cùng cô, tập bắt chước giọng nói của các nhân vật có trong truyện.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Luyện tập một số từ đồng âm: Cơm- Thơm; chua- Cua... - Luyện một số từ khó: ngắt, loay hoay, - Nghe một số bài thơ, câu truyện bằng tiếng anh: + Where is the green sheep (Chú cừu xanh lá ở đâu) + The very hungry caterpillar (Chú sâu háu ăn) + Bedtime Story (Tích Chu) + 100 truyện ngắn song ngữ Anh-	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Tìm từ có cùng dấu. - Phát âm từ có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau. - Tìm từ bắt đầu bằng chữ cái cho trước. - Ghép chữ cái với vần để thành từ có nghĩa. - Tìm cặp từ đồng nghĩa, trái nghĩa. - Đặt câu đơn giản với đối tượng cho trước. - Nghe một số bài thơ, câu truyện bằng tiếng anh: Nói và dung được một số từ tiếng anh quen thuộc

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		Viết cho trẻ em Start Reading for Children (1)	
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Bày tỏ nhu cầu thích được giao tiếp với cô giáo và các bạn. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Thực hành cách dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. - Hướng dẫn trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Tổ chức câu lạc bộ “ Bé yêu thơ”: Giao lưu với các bạn trong lớp , tổ, và các bạn trong tổ mẫu giáo bé. - Giao lưu với lớp: Thi đọc thơ, kể chuyện - Cho trẻ chơi hoạt động góc theo ý thích - Giao lưu với các anh chị khối A, B: Kể chuyện, đọc thơ, xem tranh ảnh, chơi trò chơi ... - Dạo chơi thăm quan Giao lưu với trong trường, nghe các cô kể chuyện đọc thơ - Tập nói được một số lời nói đơn giản thể hiện tình yêu thương với người thân gần gũi	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. - Cho trẻ đọc thơ diễn cảm, sử dụng các tình huống để trẻ giải quyết vấn đề “ Là ai?. Làm thế nào?, vì sao lại thế?.....” - Cho trẻ sắp xếp tranh theo trình tự câu truyện , kể chuyện kết hợp với rối tay, rối que. - Trẻ nhận xét tích cách các nhân vật , phân biệt được nhân vật tốt – xấu” , nói lên cảm nhận của bản thân khi nghe đọc thơ, kể chuyện - Mô tả hành động của các nhân vật có trong tranh , truyện, bài thơ , câu đố..., kể truyện theo trình tự thời gian hoặc kể chể chuyện có mở đầu có kết thúc - Chơi các trò chơi củng cố bài thơ câu chuyện “ trò chơi ghép tranh”, xếp tranh theo trình tự”....tìm và	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - Thực hành cách sử dụng các câu hỏi để hỏi lại những gì mình không hiểu: Cái này có nghĩa là gì? Hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		chọn nhân vật có trong thơ, truyện... - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	
	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Dạy trẻ nói các từ chỉ sự lễ phép: “ Dạ” khi cô gọi đến tên, “vâng ạ” khi được nhắc nhở, “thưa”, nhắc nhở trẻ nói rõ ràng đủ nghe không nói lí nhí...	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Biết sử dụng các từ văn minh trong sinh hoạt: Đi vệ sinh, xin lỗi, bạn- tớ,...	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Cung cấp vốn từ cho trẻ qua các trò chơi Kể lại truyện bằng lời văn của mình HD các từ miêu tả cảm xúc, hình dáng tích cách đối tượng: Lênh khênh, lực lưỡng, khổng lồ, xúc động, buồn ngủi, mong ngóng...
	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.	- Kể lại truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	- Đóng kịch.	
3. Làm quen với đọc, viết	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. <u>Tiếp xúc với chữ, sách, truyện.</u> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt, xem nhiều loại sách	- Nhận dạng một số chữ cái. - Chơi tập nhận dạng một số chữ cái (10 đến 15 chữ cái đầu) - Tập tô, in, đồ các nét chữ, tô chữ rỗng.... - Làm quen với các nét chữ cơ bản: nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, xiên phải, cong tròn khép kín, nét	- Nhận dạng các chữ cái. Nét sổ thẳng, nét ngang: Nét xiên phải, nét xiên trái: Nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu: Nét cong phải, nét cong trái, nét cong tròn khép kín: Nét khuyết trên, nét khuyết dưới: Bé làm quen và tập tô các chữ cái: o - ô - ơ; a - ă - â; e - ê; u - ư; i - t - c; b- d- đ; h - k; l- m- n; p - q; g - y, v - r; s- x

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Xây dựng góc thư viện của bé: có nhiều đầu sách truyện, phong phú về chủng loại (lưu ý chọn truyện tranh có hình ảnh to, bắt mắt) - Cho trẻ xem sách, tranh ảnh theo ý thích, giáo dục trẻ cách cầm sách, xem sách và giữ gìn sách - Cô đọc sách, truyện cho trẻ nghe	- móc xuôi. - Làm quen với hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Làm quen với hướng viết các nét chữ - Tập sử dụng các kí hiệu để “viết” tên, làm thiệp chúc mừng...	- Các bài tập kỹ năng thực hành CS – phát triển các giác quan với chữ viết: xâu hạt vòng uốn thành chữ cái, gấp quả bông xếp chữ, dùng xúc giác phát hiện chữ lồi, chữ lõm, chữ mịn, chữ ráp...vẽ chữ trên hộp cát..
		- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Hướng dẫn trẻ tư thế ngồi - Hướng dẫn trẻ cách cầm bút - Vị trí đặt vở /giấy - Tập tô nét cơ bản, tô chữ cái	
			- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Chữ cái trong tên của trẻ, Tập viết tên của trẻ, - Nhận ra chữ cái trong cuộc sống xung quanh trẻ, Ký hiệu chữ cái, Vẽ chữ vào không khí. In chữ bằng giấy than, Gieo hạt chữ cái, In chữ bằng lá trầu (sách 135 trò chơi chữ cái). Tìm chữ cái trong các bảng biểu, tí chữ trong và ngoài lớp.
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau: Sách tranh, truyện tranh, sách ảnh, lô tô theo chủ đề, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, thơ, ca dao, đồng dao...		
	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Làm quen với hướng đọc,	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Đọc sách cho trẻ nghe - Giới thiệu cho trẻ về cuốn sách truyện mới: cách bày biện sách tạo sự chú ý và tò mò	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	viết tiếng việt từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Cầm sách đúng chiều, mở sách , xem tranh và đọc truyện.	mở cửa trẻ để hình thành cho trẻ thói quen tốt có thói quen quan sát khi có cuốn sách truyện mới hoặc cuốn sách truyện mà trẻ thích. - Trò chuyện về cách giữ gìn sách - Đọc sách cùng trẻ. Trẻ đọc sách theo cách của trẻ, phân biệt phần mở đầu và phần kết thúc của sách. - Nhận biết cách đọc sách : NB trang bìa, Đọc sách, truyện từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối sách.	
	- Giữ gìn sách. Cách cầm và giở sách Cùng cô sách Sắp xếp sách, truyện trong lớp và các góc chơi	- Giữ gìn, bảo vệ sách. - Tạo thói quen đọc sách truyện, cách giữ gìn và bảo vệ sách. - Thực hành dán gáy sách, dán các phân bị bong rách của sách, xếp sách ngay ngắn, cầm sách nhẹ nhàng. - Làm sách truyện tự tạo	

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Phát triển tình cảm	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. Hoạt động độc lập :	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân qua hoạt động trò chuyện, lập biểu đồ, vẽ tranh.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
- Ý thức về bản thân	- Tên của bé, giới thiệu về bản thân		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Bạn trai; Bạn gái. - Sở thích của bé. - Những điều bé không thích. - Trò chuyện về ,tên, tuổi bản thân - Trò chuyện về bức ảnh của trẻ - Trò chuyện về những điều bé thích và bé không thích	- Tôi rất tuyệt - Trò chuyện về sở thích và nhận xét được khả năng của bản thân. - Trẻ xem tranh ảnh và trò chuyện về bạn trai bạn gái. - Khả năng của tôi	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động. - Khám phá người bạn mới. - Khi buồn bé sẽ làm gì? - Biết chăm sóc mọi người - Biết an ủi, chia sẻ cảm xúc - Bé yêu lao động; Bé gọn gàng ngăn nắp - Lời nói lịch sự; Lịch sự nơi công cộng - Lịch sự khi làm khách - Dạy kỹ năng “Bé xếp hàng” - Biết lắng nghe tích cực - Giải quyết xung đột - Em tập phân loại rác
	<i>- Nhận biết trạng thái của cơ thể khi buồn vệ sinh, khi khát nước, khi buồn ngủ, khi đói, khi mệt và thể hiện với người chăm sóc</i>	<i>- Nhận biết trạng thái nhu cầu của của cơ thể, biết bản thân thích gì, muốn gì và trao đổi để người khác hiểu.</i> - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Làm quen và tìm hiểu - Chào hỏi, làm quen - Làm gì để qua đi nỗi buồn? Tức giận?	
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Cuốn sách cảm xúc. - Tôi vui, tôi buồn. - Nhận diện cảm xúc. - Hãy nói về cảm giác của mình	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Trao nhau nụ cười; Bàn tay yêu thương - Phân loại cảm xúc tích cực- Tiêu cực - Nhận ra các giai điệu của bản nhạc vui-buồn; thể hiện cảm xúc phù hợp khi

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
			nghe các bài hát, bản nhạc, câu chuyện vui- buồn- xúc động.
	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
	- <i>Những câu chuyện về tình yêu thương.</i> - <i>Những hành động thể hiện tình cảm của mình với mọi người xung quanh</i>	- <i>Những câu chuyện về tình yêu thương.</i> - <i>Những hành động thể hiện sự quan tâm, chăm sóc với mọi người xung quanh.</i>	
	- Kính yêu Bác Hồ. Kể chuyện Bác Hồ, Hát múa về Bác; Xây lăng bác... - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Tìm hiểu 1 số cảnh đẹp của Hà Nội; Cửa địa phương...	- Kính yêu Bác Hồ. Nghe kể chuyện Bác Hồ, Tìm hiểu về Bác Hồ; Tình cảm của bác s với các bé thiếu niên nhi đồng... - Trò chuyện về Bác Hồ và tình cảm của Bác giành cho các cháu thiếu nhi và của thiếu nhi giành cho Bác. - Thể hiện tình cảm của mình với Bác qua một số hoạt động như: + Đọc thơ, hát múa chào mừng sinh nhật Bác. + Trang trí ảnh Bác Hồ. + Làm hoa tặng Bác Hồ. + Thăm Lăng Bác Hồ. - Kể chuyện, đọc chuyện cho trẻ nghe những câu chuyện về Bác Hồ - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Tìm hiểu các lễ hội lớn của Đất nước, cảnh đẹp của đất nước: Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Hoàng thành Thăng Long...	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
2. Phát triển kỹ năng xã hội - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Bé gọn gàng ngăn nắp. - Bé chơi đoàn kết - Bé chia sẻ, giúp đỡ	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - <i>Ứng xử văn hóa nơi công cộng.</i> - <i>Bỏ rác đúng nơi quy định.</i> - <i>Giờ ngủ.</i> - <i>Tiết kiệm nước</i>	
	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). Bé tập nói lời cảm ơn, xin lỗi Lời chào của bé - Chờ đến lượt. - Tập xếp hàng - Bé chào hỏi lễ phép. - Nói lời cảm ơn/xin lỗi.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác. - Biết chờ đến lượt - Lắng nghe, và phát biểu	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Nói lời yêu thương; Nói cảm ơn, xin lỗi; Nhận ra lỗi và nói lời xin lỗi - Nhận diện cảm xúc - Biết giữ lời hứa
	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Bé yêu ai nhất nhà - Kể về người thân của bé - Đóng vai gia đình - Một chuyến đi chơi	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Trò chuyện về tên tuổi, nghề nghiệp của bố mẹ và những người thân trong gia đình. - Tập thể hiện tình cảm với những người thân trong gia đình: Cử chỉ, lời nói, tôn trọng, lễ phép, quý mến các thành viên trong gia đình - Tập đóng vai các nhân vật trong một số tác phẩm văn học - Tập cách giao tiếp, nói, đi đứng ... phù hợp với giới tính. - Bé bên gia đình yêu thương - Bức ảnh gia đình bé - Tôi và gia đình yêu thương	
	- Chơi hoà thuận với bạn. Mình cùng chơi nhé	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn, Chia sẻ với mọi người khi vui cũng như buồn qua hoạt động chơi phân vai, trò chuyện ...	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Tổ chức sinh nhật cho các bạn - Khi bạn thân nghỉ học - Cùng trực nhật nhé

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Chơi vui cùng bạn - Tranh giành đồ chơi là đúng hay chưa đúng	- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - <i>Chào hỏi làm quen</i> - <i>Nói lời xin lỗi</i> - <i>Nói lời cảm ơn</i>	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - Đi bộ trên vỉa hè và đi về bên tay phải. - Thể hiện sự quan tâm chăm sóc khi mọi người mệt mỏi
	- <i>Làm quen với 1 số cách ứng xử với các tình huống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.</i>	- <i>Tập ứng xử phù hợp với các tình huống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.</i>	- <i>Ứng xử phù hợp với các tình huống trong cuộc sống.</i>
	- <i>Tạo tình huống để trẻ giao tiếp với nhau trong nhóm nhỏ, giáo viên giao tiếp thường xuyên với trẻ, vỗ về an ủi khi trẻ bất an. Đưa ra những hoạt động chơi để thu hút trẻ tham gia.</i> - <i>Tham gia các hoạt động lễ hội; Tham gia giao lưu với các bạn trong lớp và lớp khác.</i>	- <i>Tạo tình huống để trẻ giao tiếp với nhau trong nhóm nhỏ, nhóm lớn và cả lớp.</i> - <i>Sử dụng nội dung các câu chuyện, nêu tình huống tận dụng tình huống trong lớp... giúp trẻ tìm ra giải pháp để giải tỏa các cảm xúc tiêu cực.</i> - <i>Tạo cơ hội cho trẻ thực hành cách giải tỏa cảm xúc</i>	
	- <i>Cùng người lớn tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người trong xã hội, bảo vệ môi trường)</i>	- <i>Cùng người lớn tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người trong xã hội, bảo vệ môi trường)</i>	- <i>Thích lao động, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi cần thiết theo khả năng của mình.</i> - <i>Có ý thức tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người)</i>
	- Tiết kiệm điện, nước. - Hướng dẫn trẻ chăm sóc cây, bảo vệ cây - Dạy trẻ biết cách sử tiết kiệm nước khi sử dụng: Vặn vòi nước nhỏ, không nghịch nước - Hướng dẫn trẻ bỏ rác đúng nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường.		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối		

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

- Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

*** Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe hát, nghe nhạc và thể hiện cảm xúc phù hợp - Dạy hát, vận động các bài hát phù hợp	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
		- Nhận biết và cảm nhận một số loại hình nghệ thuật dân gian Việt nam. <i>Biết 1 số loại hình nghệ thuật quen thuộc: Chèo, Tranh Đông hồ, ...</i>	- Nhận biết và cảm nhận một số loại hình nghệ thuật dân gian Việt nam và một số nước khác trong khu vực và trên thế giới. - Chèo, Cải lương, hò vè - Múa chằm, Kachiusa của Nga... - Nghệ thuật đúc đồng, gốm sứ - Nghệ thuật gấp giấy Nhật bản

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nhận biết độ nhanh - chậm của âm thanh - Trò chơi hát theo nhạc, hát theo tay cô - Nghe các bài dân ca, hát ru - Nghe một số dân ca của các nước	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Nghe và nhận ra dân ca bắc bộ, nam bộ, hò vè... - Một số bài dân ca thiếu nhi: Lý cây bông, Lý kéo chài...	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Biết một số thể loại âm nhạc: Chèo, cải lương, sẩm... - Thuộc một số bài dân ca: Lý cây bông, Lý đĩa bánh bò, - Nghe một số bản nhạc cổ điển gần gũi: Thư gửi Elise, Hành khúc Thổ Nhĩ Kỳ... - Làm quen với một số nhạc cụ dân tộc và nhạc cụ hiện đại
	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Thuộc và hát đúng lời ca giai điệu 1 số bài hát phù hợp	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, vận động minh họa, múa, <i>nhảy flashmob, aerobic.</i>	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - <i>Làm quen với cách hát Rap, hát đệm</i> - <i>Xướng âm đúng cao độ nốt Sol, Mi, La, Do, Re.</i>
	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc, vận động minh họa, <i>nhảy flashmob</i> - Vỗ tay theo phách, nhịp - Vận động nhịp nhàng theo ý thích - Biết ký nhún theo nhịp	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Vận động minh họa lời ca - Múa một số động tác quen thuộc: Mõ mời, hái đào 1 tay- hai tay, ký nhún...	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc, <i>nhảy flashmob, nhảy điệu chachacha...</i> - Vận động minh họa - Múa 1 số động tác: Xiết cồng, mõ mời 2 tay, vỗ trống... - Một số điệu nhảy quen thuộc: Cha cha cha, nhảy dân vũ - Tập erobic. Làm quen múa ấn độ. - Gõ đệm theo bài hát: cuckoo cuckoo rhythm https://www.youtube.com/watch?v=QZ0jXerjgHM

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
			- Gõ đệm theo bài hát “ Clap clap song” https://www.youtube.com/watch?v=AN-cuRu7oAQ - Gõ đệm theo lời bài hát:BIMBUM (https://www.youtube.com/watch?v=nRaMmHIVtMc) - Gõ đệm theo lời bài hát:'Twinkle Twinkle Little Star' (https://www.youtube.com/watch?v=5he1sCixSLM) - Gõ đệm theo lời bài hát:Head Shoulders Knees and Toes (https://www.youtube.com/watch?v=mGVJwLILU9o) - Vận động theo lời bài hát:A Ram Sam Sam https://www.youtube.com/watch?v=_38rIjKggOU
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các dụng cụ âm nhạc chơi trò chơi: Vỗ đệm theo nhịp, phách	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm. - Sử dụng nhạc cụ và bộ gõ cơ thể để thể hiện vỗ theo phách, phách, tiết tấu chậm...	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhịp, chậm, phối hợp). - Vỗ đệm bằng dụng cụ hoặc bộ gõ cơ thể theo tiết tấu chậm, nhanh, phối hợp, tiết tấu lời ca
	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng NVL tái chế - Sử dụng NVL thiên nhiên	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Chơi với lá cây. - Làm con trâu từ lá cây khô khi cho trẻ tham gia hoạt động ngoài trời - Chơi với màu nước	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp các NVL khác nhau: Giấy, lá... - Sử dụng các loại NVL khác nhau để ghép: Hộp bìa, chai, vải vụn..

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé dán, cắt dán, xếp, đồ, in...	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Tập phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình sẵn có để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Cho trẻ sử dụng các kỹ năng đã học để tạo ra sản phẩm theo ý tưởng của trẻ - Tập cho trẻ cách nhận xét đánh giá sản phẩm tạo hình của mình và của bạn	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Vẽ theo mẫu, đề tài, ý thích phù hợp với độ tuổi - In đồ, chấp ghép, gấp, vo... - Làm đồ chơi từ nguyên vật liệu tái chế, chấp ghép...
	- Nhận xét sản phẩm tạo hình. biết nhận xét sản phẩm của mình và của bạn một cách khái quát: đẹp, rực rỡ: Tô đều, ko chừa, ... qua nội dung sản phẩm,	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. - Tập cho trẻ cách nhận xét đánh giá sản phẩm tạo hình của mình và của bạn	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn qua màu sắc, đường nét, bố cục, nội dung... - Sử dụng được 1 số từ ngữ chuyên: Chiều sâu, đối xứng, xa gần, cân đối...
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Làm tranh, vẽ tranh, chấp ghép... thành các sản phẩm đơn giản có nội dung rõ ràng	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Tạo sản phẩm từ nguyên phế liệu - Gấp, đồ, in, thổi - Chấp ghép, xé, vo...	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích <i>và theo trí tưởng tượng sáng tạo của bản thân</i>
		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Nói được ý tưởng của mình qua sản phẩm tạo hình vẽ, nặn, làm đồ dùng đồ chơi...	
	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	Biết đặt tên cho sản phẩm vẽ, nặn, xé dán,... của mình hoặc của bạn		

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự *định hướng, gợi mở* của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 1/6), Ngày ra trường, Ngày hội sách, Hội chợ Tết, Hội thi vẽ tranh, Sinh nhật của trẻ, ngày hội dân gian, ngày hội nước...).
- Tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm: Văn minh thanh lịch, Kỹ năng phòng chống cháy nổ, Kỹ năng thoát hiểm, thực hành an toàn giao thông...

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

*** Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:**

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục dưới hình thức cá nhân và nhóm nhỏ. Chú ý đến khả năng, năng lực, sự hứng thú của từng trẻ để có biện pháp điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân của trẻ.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ thông qua hoạt động học và hoạt động ở mọi lúc mọi nơi dưới hình thức cả lớp, nhóm nhỏ và bồi dưỡng cá nhân phù hợp theo khả năng vận động của trẻ. Tổ chức các hoạt động giao lưu về thể thao, trò chơi vận động giữa các lớp cùng độ tuổi.

- Tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh do giáo viên người nước ngoài giảng dạy

- Tổ chức hoạt động đọc sách, xem phim, đóng kịch, rối bóng, kể chuyện sáng tạo.

- Tổ chức các hoạt động phát triển năng khiếu múa, võ, tạo hình tại các phòng chức năng.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế như thăm quan dã ngoại, giao lưu với các trường mầm non, tiểu học.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

- Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

- Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

- Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

** Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:*

- Tăng cường phương pháp thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi. Cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Tăng cường hoạt động theo nhóm.

- Chú trọng hệ thống câu hỏi mở trong phương pháp dùng lời nhằm kích thích quá trình tư duy của trẻ. Định hướng để trẻ bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm của bản thân.

- Nâng cao chất lượng ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến với các lĩnh vực phát triển về nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tiến tới lĩnh vực thể chất, tình cảm xã hội

- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:

+ Phương pháp Montessori được tổ chức thực hiện áp dụng linh hoạt, phù hợp trong các hoạt động dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống, ngôn ngữ

+ Phương pháp STEAM được áp dụng linh hoạt, phù hợp trong lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ

+ Dạy học theo dự án được áp dụng trong những chủ đề lớn, hoặc một dự án độc lập giúp trẻ phát triển lĩnh vực nhận thức và các kỹ năng học tập. Qua các giai đoạn của dự án trẻ nghiên cứu sâu và nghiên cứu những vấn đề mà trẻ quan tâm, muốn giải quyết

+ Dạy học thông qua chơi, kích thích khả năng tư duy áp dụng đa dạng đặc biệt với các hoạt động vui chơi và được lồng ghép phù hợp giúp trẻ sáng tạo, tự trải nghiệm, khám phá và học tập theo năng lực của bản thân.

+ Cách tiếp cận Reggio Emilia được áp dụng với lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực nghệ thuật, lĩnh vực tình cảm xã hội...sử dụng các vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên để kích thích tương tác đa chiều các vật qua ánh sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo..và qua đó trẻ phản ánh vốn hiểu biết của bản thân qua 100 ngôn ngữ của riêng mình.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, *thân thiện, gần gũi với thiên nhiên*, hấp dẫn trẻ. Có các thiết bị giáo dục hiện đại như: Ti vi, máy tính, đầu đĩa, máy ảnh, bảng tương tác điện tử.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước, khu vui chơi vận động liên hoàn, Sasuke, leo núi, leo thang, đu xà, chơi các trò chơi dân gian...
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.
- Tận dụng diện tích trong và ngoài lớp để bố trí các góc cho trẻ vận động, thực hành thí nghiệm, tự học, tự nghiên cứu.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.
- Chú trọng tạo môi trường thuận lợi để giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với những người xung quanh.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:

- Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

- Lựa chọn một số mục tiêu trong Chương trình giáo dục Mầm non và Chương trình bổ sung nâng cao để đánh giá năng lực trẻ theo các lĩnh vực phát triển. Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ; thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

- Sử dụng kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp đánh giá như: Quan sát; Trò chuyện, giao tiếp với trẻ; Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm; Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ để đánh giá tình trạng sức khỏe, thái độ, cảm xúc, hành vi, kiến thức, kỹ năng của trẻ trong ngày dưới hình thức ghi chép vào nhật kí cá nhân trẻ nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- *Xây dựng hệ thống bài tập đánh giá trẻ theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao (chất lượng đầu ra của trẻ) ở từng độ tuổi.*

IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ:

- Đánh giá trẻ hàng ngày về những diễn biến tâm lý – sinh lí của trẻ hằng ngày trong các hoạt động, nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đánh giá trẻ cuối tháng/chủ đề để xác định mức độ đạt được sau mỗi tháng, từ đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp cho tháng tiếp theo.

- Đánh giá trẻ cuối độ tuổi theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao để xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực, từ đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở giai đoạn tiếp theo./.

PHẦN IV

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhà trường xây dựng chương trình.

Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, các cơ sở giáo dục mầm non có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trên cơ sở Chương trình Giáo dục của nhà trường, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ, khả năng của giáo viên và điều kiện thực tế của nhóm/lớp.

3. Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương. Các chủ đề lớn ở mỗi độ tuổi có thể trùng nhau nhưng nội dung – hoạt động khai thác ở mỗi độ tuổi đảm bảo không trùng nhau, đồng tâm phát triển từ độ tuổi nhà trẻ đến độ tuổi mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn.

* Trao quyền cho giáo viên được sáng tạo, được thử sai, chỉ đánh giá sự phù hợp, hiệu quả.

*** Lộ trình phát triển Chương trình tại trường mầm non Bình Minh**

- Năm học 2024-2025: Tiếp tục đổi mới bổ sung các hoạt động giáo dục lĩnh vực TCKNXH, lĩnh vực PTTC. Song song thực hiện chủ đề/ sự kiện, bổ sung 1 số dự án nhỏ của phương pháp STEAM

- Năm học 2025-2026: Tiếp tục đổi mới bổ sung các hoạt động giáo dục lĩnh vực TCKNXH; ứng dụng 1 phần PP STEAM vào chương trình GD.

4. Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

5. Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

6. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất./.